

PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 375, NĂM THỨ 31

THÁNG 10-2025



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com

Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

BÌNH ANSON

CHÂN ĐẠI LƯỢNG

MINH HÒA

NHÂN CA

TÂM KHÔNG

TÂM TUỆ TĨNH

TUỆ VIÊN

Cộng Tác:

CHÍNH HẠNH

HÀN TRÚC

HỒNG DƯƠNG

MINH CHÁNH

MINH ĐỨC

TRẦN TRUNG ĐẠO

Kỹ Thuật:

MINH HÒA

NHÂN CA

Mục Lục

<u>Tu học tinh tấn</u>	BBT	3
<u>Thiền định một PP. biến cải tâm linh</u>	Hoang Phong dịch	4
<u>Pháp Cú: 421 Phẩm Bà La Môn</u>	HT. Th. Minh Châu dịch	7
<u>Đức Quán Thế Âm Bồ Tát</u>	Quảng Minh	8
<u>Thơ: Âm thầm mưa</u>	Tuệ Nga	10
<u>Thành phố New York vinh danh TS Nhất Hạnh</u>	Bảo Hải	11
<u>Khám phá ~ căng thẳng của PG với hiện đại</u>	Tuệ Uyên	14
<u>Thơ: Lâm Tỳ Ni</u>	Phổ Đồng	17
<u>Trí tuệ Nhân Tạo AI dưới lăng kính duyên khởi</u>	Tịnh Thủy	18
<u>Nghiệp tác đông vào cái chết con người</u>	Th. Nữ Hằng Như	21
<u>Sau khi chết chúng ta về đâu ? Khoa học tìm..</u>	Mai Nguyễn	29
<u>Hư Hư Lục: Mở Mắt Chiêm Bao</u>	Thích Nữ Như Thủy	31

Tranh bìa

Thiền Sư

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoằng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Tu học tinh tấn

Một người Phật tử hàng ngày phải tu học để cho được tinh tấn. Sự tu học ấy không phải chỉ đọc tụng kinh, sách mà còn phải biết rằng chúng ta phải tu cả thân, khẩu, ý.

Thân tức là những hành động của chúng ta chẳng những không làm hại đến những sinh vật khác mà còn phải thương yêu, giúp đỡ chúng trong sự sống nếu có thể.

Khẩu đương nhiên là lời nói của chúng ta phát ra từ cửa miệng của mình, dĩ nhiên khi miệng chúng ta nói ra lời nói yêu thương, nhân từ. Đó chính là từ tâm của chúng ta biểu lộ ra.

Dĩ nhiên là chúng ta trước tiên phải có Ý từ tâm biểu lộ ra thân và khẩu.

Một người không có từ tâm, khi có đột biến tâm sẽ phát ra hung dữ qua lời nói, qua hành động, trái lại người có từ tâm sẽ luôn biểu hiện sự thương yêu, giúp đỡ người khác cũng như loài vật khác như chó, mèo ...

Con người ta sinh ra ở đời, không ai giống ai, mỗi người đều có cá tánh riêng biệt trong gia đình mình cũng như trong xã hội mình sinh sống. Dĩ nhiên sống trong một gia đình, đa số cha mẹ dạy dỗ con cái sống theo nề nếp của gia đình và xã hội, nhưng mỗi người tiếp thu khác nhau, chính vì thế nên trong gia đình mỗi người có cá tánh khác nhau và ở ngoài xã hội cũng vậy.

Là người Phật tử, không phải chỉ “ăn hiền, ở lành” là đủ, mà chúng ta cần phải tu học tinh tấn. Hôm nay chúng ta đã giúp một người nghèo khó thì ngày mai phải cố gắng giúp nhiều hơn, đó mới là tinh tấn, nếu không thì không thể tinh tấn.

Con người khi tuổi cao, sức mòn, lực cạn thân xác muốn được nghỉ ngơi đó cũng là lý do để người ta lười biếng và như vậy thì sự tinh tấn càng cần thiết hơn.

Định luật bất di bất dịch nơi con người là Sinh, lão, bệnh, tử sinh ra ở trên thế gian này ai cũng phải chịu chung định luật ấy của tạo hóa. Ngay cả thế giới này, quả địa cầu này từ không hóa ra có, thì nó cũng sẽ từ có trở về không như trong kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa: Gâté ! Gâté ! Para Gâté ! Para same gâté ! Bodhi Svaha! Nghĩa: *Đi, đi, đi qua bờ bên kia, dắt qua tới bờ bên kia, ta bà ha.*

BBT/NSPH

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh

Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita

Hoang Phong chuyển ngữ

LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI BỒ TÁT

The Bodhisattva Ideal

Nguyên tác: Ugyen Sangharakshita

Hoang Phong chuyển ngữ

—oOo—

CHƯƠNG VIII Đức Phật và người Bồ-tát – vĩnh cửu và thời gian

oOo

Bài 50: Đức Phật và người Bồ-tát – vĩnh cửu và thời gian.

Bài 51: Con đường đúng đắn.

Bài 52: Spinoza và Thượng Đế; không gian và thời gian.

Bài 53: Nirmanakaya hay thân xác sáng tạo.

Bài 54: Ngũ Phật và Sambhogakaya.

Bài 55: Bản chất của Dharmakaya trong Kinh Hoa Sen.

Bài 56: Lãnh vực vô biên và khung cảnh tạm thời.

Bài 51: Con đường đúng đắn.

Trên đây (trong bài 50) chúng ta đã nêu lên là dù mình đang bước theo con đường (của người bồ-tát) thế nhưng đồng thời mình cũng hiểu rằng con đường sẽ chẳng đưa mình đến một nơi nào cả (mục đích con đường của người bồ-tát là mang lại sự giải thoát cho tất cả chúng sinh, thế nhưng chúng sinh thì vô tận, vì vậy con đường cũng sẽ bất tận, không bao giờ chấm dứt, không có một điểm đến nào cả). Chúng ta bước theo con đường nhưng không thể đoan chắc

được là con đường có "đúng" hay "không đúng". Tuy nhiên sự nghịch lý và thiếu vững chắc đó có thể giải quyết ổn thỏa được bằng cách xem nó như một mô hình nêu lên một sự nẩy nở [tâm linh]. Một số người đôi khi vì quá thắc mắc nên thường tự hỏi xem mình có đủ khả năng hay không [để bước theo con đường đó], vị thầy mình có phải là một vị thầy tốt hay không, hoặc quyền sách này hay câu mantra (câu niệm hay câu chú) kia thật sự có giúp mình bước "đúng" theo con đường đưa mình đến Giác ngộ hay không? Qua một góc nhìn nào đó thì các thắc mắc trên đây quả là nan giải (không thể nào biết được chắc chắn là con đường mà mình đang bước đi có "đúng" hay không). Nếu có một người nào đó nói với bạn như sau : "Này bạn, con đường mà bạn chọn là con đường sai. Đương nhiên con đường đó sẽ đưa bạn xuống địa ngục". Vậy bạn sẽ phải làm gì ? Bạn không thể chứng minh được là người ấy nói sai, cũng không thể "biết được" lời mà người ấy nói với bạn có hữu lý và có thể chứng minh được hay không, nhất là sự hữu lý đó có thể mang lại cho bạn sự Giác ngộ, hoặc ít nhất cũng mở ra con đường đưa bạn đến Giác ngộ hay không ?

Nếu muốn biết được con đường mà mình đang bước đi có "đúng" là con đường đưa mình đến Giác ngộ thì chỉ có cách là phải dựa vào một cái gì đó có sẵn từ bên trong con người của mình - dù cái gì đó chỉ là một hạt mầm nhỏ bé - nhưng thật ra tương quan với một cái gì đó to lớn hơn và đã được nẩy nở thật trọn vẹn bên trong con người của

Đức Phật. Thiếu tiếng âm vang (resonance) đó, sự giao cảm (communion) đó [giữa mình và Đức Phật] thì chúng ta sẽ không thể nào bước đúng theo con đường và sẽ không bao đạt được Giác ngộ (*thiếu tiếng âm vang của Phật tính trong lòng mình đưa mình đến gần với Đức Phật thì mình sẽ không thể nào bước đúng theo con đường. Việc tu tập đơn thuần dựa vào các phương tiện thiện xảo chỉ là một con đường song song mang xu hướng tách ra ngày càng xa hơn với con đường đưa mình đến Giác ngộ*). Một người giác ngộ và một người không giác ngộ cả hai đều là những con người như nhau ; vì vậy chúng ta đều có một cái gì đó giống với (*in common with / cùng chung một thứ với*) Đức Phật và Đức Phật cũng có một cái gì đó giống với chúng ta (*lòng từ bi nóng bỏng đang bốc lên trong con tim mình chẳng hạn*). Điều mà chúng ta cần phải cố gắng thực hiện là phát huy những gì bên trong con người của mình giống với những gì bên trong con người của Đức Phật, và đây cũng là cách ngày càng làm giảm bớt đi sự khác biệt giữa mình và Đức Phật. Khi không còn một chút khác biệt nào nữa [giữa mình và Đức Phật] thì mình cũng sẽ trở thành một con người Giác ngộ [như chính Đức Phật] (*Đức Phật hiện ra với mình như một tấm gương để khuyến khích mình trở thành như chính Ngài với đôi mắt thật nhân từ đang đứng nhìn mình và gọi mình từ bên trong tấm gương đó. Đức Phật không hiện ra trong tấm gương để mình van vái và cầu xin Ngài. Sự Giác ngộ là cách bước vào tấm gương, nhưng không phải là một món quà mà Đức Phật đưa ra từ tấm gương để ban tặng mình*).

Tất cả những gì mà chúng ta có thể làm được là nói lên "tôi đây cũng là một vị Phật", hay ít nhất là một người mà mình tưởng tượng qua các bằng chứng còn lưu lại

bên trong chính mình. Khi tôi quan sát các bằng chứng đó thì tôi có thể nhận thấy trong tôi có những cái gì đó giống với Đức Phật, và dù cho các phẩm tính đó nơi Đức Phật ở vào một cấp bậc cao siêu hơn gấp bội so với cấp bậc của tôi đi nữa, [thế nhưng] những lời giáo huấn (*Dharma / Đạo Pháp*) cho biết là tôi cũng có thể phát huy được các phẩm tính như vậy. Vì thế, tôi cứ tạm chấp nhận những lời ấy [và cho đó là hữu lý] để cố gắng xem tôi có thể thực hiện được như thế hay không ? Chẳng hạn như một bản văn (*bản kinh*) cho biết Đức Phật có một tấm lòng nhân từ thật to lớn, đối với tôi cũng vậy, thỉnh thoảng tôi cũng phát động được lòng nhân từ, và đồng thời tôi cũng nghĩ rằng tôi có thể làm hơn như thế, và tôi cố gắng thử xem tôi có thể biến tôi trở thành nhân từ hơn như thế hay không ? Sau khi thử cố gắng và nhận thấy tôi có thể làm được thì khi đó tôi sẽ có thể kết luận "nếu tôi có thể mở rộng lòng nhân từ thêm một chút, thì nhất định tôi sẽ còn có thể tiếp tục mở rộng thêm một chút nữa, và cứ thế tôi sẽ mở rộng hơn và rộng hơn nữa". Và cứ thế mà chúng ta tiếp tục (*đó là con đường đúng, con đường đó của người bồ-tát tuy xa tít thế nhưng đường như ngày càng ngắn lại*).

Những điều nêu lên trên đây hướng thẳng vào việc tu tập của chúng ta. Dù Đức Phật đã được chứng minh là một con người sống thật [như chính chúng ta], thế nhưng khi nào chúng ta chưa đủ sức phát động được một sự cố gắng nhỏ nhoi nào để thu ngắn khoảng cách giữa mình và Đức Phật, thì dù mình có phát lộ được lòng tin của mình nơi Đức Phật, lòng tin đó cũng sẽ chẳng mang một ý nghĩa nào cả. Tóm lại việc tu tập là một sự cải thiện liên tục, xuyên qua sự cải thiện đó chúng ta sẽ dần dần cảm thấy hạnh phúc hơn và hợp nhất hơn (*chúng ta thường xuyên ở trong tình trạng phân tâm thật trầm trọng*,

thể nhưng chúng ta không hề ý thức được điều đó. Tâm thức chúng ta bung ra khắp hướng, biến đổi liên tục, chưa suy nghĩ xong chuyện này đã nhảy sang chuyện khác, xúc cảm này chưa giảm xuống đã dấy lên xúc cảm khác. Năng lực tâm thần của chúng ta do đó sẽ bị phân tán khắp nơi. Tu tập là hợp nhất năng lực đó bên trong nội tâm mình, mang lại cho mình một tâm thức cô đọng, thăng bằng, và thanh thản hơn. Cố gắng tập trung vào Đức Phật, đến gần với Đức Phật hầu thu ngắn khoảng cách giữa mình và Đức Phật, là cách tạo ra cho mình một thể dạng tâm thần hợp nhất và hạnh phúc hơn). Bên trong chúng ta luôn có một cái gì đó giúp mình nhận biết được con đường mà mình đang bước theo có đúng hay không đúng, và cái gì đó chính là các xúc cảm bên trong chúng ta ngày càng trở nên tích cực hơn, và theo đó chúng ta cũng ngày càng trở nên ý thức hơn (các phương tiện thiện xảo chỉ tạo ra các tác động tạm thời và hời hợt mà thôi).

Khi nào bạn cảm thấy mình khỏe mạnh, thì sẽ không có bất cứ ai có thể bảo với bạn rằng "Này bạn, tại sao trông bạn có vẻ bệnh hoạn đến thế!". Cũng vậy, tương tự như trường hợp bạn cảm thấy khỏe mạnh trên đây - dù chỉ được một lúc nào đó cũng vậy - nếu bạn cảm thấy trong lòng mình tràn đầy tình thân thiện, lòng từ bi và các mối quan tâm đến kẻ khác, thì sẽ không có bất cứ ai có thể bảo bạn là không đi đúng con đường. Khả năng tự nhiên của một con người ý thức là vượt lên trên chính mình, vì vậy khi nào bạn cảm thấy mình vượt được lên trên chính bạn thì có nghĩa là con đường mà bạn đang bước theo là con đường đúng, bởi vì con đường đó phù hợp với bản chất nội tâm sâu kín nhất bên trong chính bạn.

Có lúc bạn cảm thấy mình nở rộ như một

đóa hoa, thế nhưng cũng có lúc bạn cảm thấy cuộc sống tâm linh của mình (sự tu tập của mình) chẳng khác gì như trèo lên một đỉnh núi. Hai cách vận hành đó phản ánh bản chất của bodhicitta (tâm thức giác ngộ / bỏ đề tâm). Bodhicitta tuyệt đối là sự Giác ngộ (là đóa hoa nở rộ), trong khi đó bodhicitta tương đối (tương tự như trèo lên đỉnh núi), là bodhicitta trong tình trạng kéo dài chờ đạt được sự Giác ngộ. Sự kết hợp giữa cả hai thể dạng bodhicitta đó chính là sự thực hiện tối hậu (sự Giác ngộ). Vì vậy trong cuộc sống tâm linh (sự tu tập), chúng ta thường xuyên ở trong tình trạng đang thực hiện một cái gì đó mà chúng ta đã có sẵn (bodhicitta ở thể dạng nở rộ hay đang phải trèo lên một đỉnh núi để đạt được nó). Chúng ta phải thực hiện cả hai thứ đó cùng một lúc, tức là ý thức được những gì mình đã có, đồng thời mình cũng phải vượt thoát ra khỏi chính mình để thực hiện nó. Nếu chỉ thực hiện được một trong hai thứ thì chúng ta sẽ bị mất thăng bằng. Chúng ta chỉ có thể hình dung sự kết hợp giữa hai thể dạng đó qua sự tương tượng hay trong một giấc chiêm bao (oneiric, dreamlike / một hình thức siêu thực, ảo giác hay cõi mộng.). Chẳng hạn như khi bạn vừa thức giấc và nhớ lại trong giấc ngủ vừa qua bạn nằm mơ thấy mình đang đi du lịch tại Ấn độ, thế nhưng đồng thời thì bạn cũng thấy mình đang vẽ một cành hoa. Bạn không hiểu gì cả mà chỉ biết là phải chấp nhận có hai chuyện khác nhau xảy ra trong cùng một giấc mơ đó. Phân tri thức trong lúc tỉnh táo của bạn nhận thấy có một sự xen kẽ giữa hai thứ ấy, thế nhưng qua sự cảm nhận siêu thực (oneiric / tương tự như trong cõi mộng) thì thật hết sức lạ lùng, bạn nhận thấy hai thứ xảy ra cùng một lúc, khiến tri thức bạn không sao nắm bắt (nhận thức) được. Cuộc sống tâm linh (việc tu tập) thường là như vậy (có lúc sự Giác ngộ vụt hiện lên với

mình một cách tự nhiên, thế nhưng cũng có lúc sự giác ngộ ấy cũng chỉ đơn giản là một ý niệm, một sự cảm nhận phản ánh một sự cố gắng nào đó. Sự hòa lẫn giữa hai thể dạng đó có thể là do dòng tri thức của mình chưa hoàn toàn thoát ra khỏi sự hiện hữu vật chất của mình, bởi vì thế giới hiện tượng chung quanh mình đang còn trực tiếp liên hệ với sự hiện hữu vật chất đó của chính mình. Nói một cách khác là mình đã đạt được giác ngộ thế nhưng sự giác ngộ đó chưa hoàn toàn trọn vẹn bởi vì mình vẫn còn "sống" với thân xác vật chất còn đang bị trói buộc mình bởi thế giới hiện tượng). Lúc nào bạn cũng phải ý thức một điều là mình phải tiến lên phía trước, hết chặng này đến chặng khác, tương tự như trèo lên một đỉnh núi. Thế nhưng đồng thời bạn cũng phải giữ một sự bình lặng tuyệt đối, chỉ duy nhất tập trung sự ý thức ngày càng sâu xa hơn về vị trí của mình trong hiện tại (mình đang ở trong giai đoạn nào, cấp bậc nào trên đường tu tập của mình).

Một vị trí bên ngoài thời gian

Khi nào bạn đạt được một vị trí nằm bên ngoài thời gian - nếu có thể nói như vậy - thì bạn sẽ ý thức được là mình luôn ở vị trí đó (tức là bên ngoài thời gian). Cũng vậy, khi bạn đạt được sự Giác ngộ, thì bạn cũng sẽ cảm nhận được mình luôn ở trong thể dạng Giác ngộ. Người ta cho biết một số vị thầy Zen khi vừa đạt được sự Giác ngộ thì bật cười...và cứ thế mà cười, bởi vì họ nhận thấy một điều vô cùng phi lý là ngoài sự Giác ngộ ra chẳng có bất cứ một thứ gì có thể gọi là thật cả (thế giới chỉ là ảo giác). Quả là một sự sai lầm vô cùng ngu xuẩn ! (trước đây họ cứ nghĩ rằng sự Giác ngộ sẽ mang lại cho họ một cái gì đó tuyệt vời và mới lạ). Sự sai lầm đó bắt họ phải trả một cái giá rất đắt, gồm toàn những thứ khổ

đau vô ích. Đôi khi trong cuộc sống thường nhật cũng vậy, sau những lúc quá sức lo lắng về một chuyện gì đó, thì một sự kiện phụ thuộc thật bình thường vụt hiện ra khiến chúng ta nhận thấy trước đây mình không cần phải quá sức lo lắng đến như vậy. Sự cảm nhận Giác ngộ cũng chỉ là một thứ cảm tính trong cuộc sống thường nhật tương tự như trên đây, thế nhưng với một cường độ mạnh hơn nhiều. Bạn sẽ nhận thấy trước đây mình ngu xuẩn đến mức độ nào khi phải chiến đấu và gánh chịu mọi nỗi khổ đau, phải vật lộn với mọi thứ khó khăn hoàn toàn tương tượng. Tất cả chẳng qua là vì chúng ta cứ nghĩ rằng mình là một người như thế này hay như thế kia, thế nhưng ngay trong lúc này thì bạn... có thể tha hồ mà cười. Bạn đang biến thành một vị Phật vô cùng khôi hài (chẳng phải Đức Đạt-lai Lạt-ma lúc nào cũng tươi cười, dí dỏm, khôi hài và hóm hỉnh hay sao ?).

Bures-Sur-Yvette, 05.01.22
Hoang Phong chuyển ngữ



Phẩm Bà La Môn

421

*Ai quá, hiện, vị lai
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.*

ĐỨC QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Quảng Minh (Tu Viện Huệ Quang)

(Tiếp theo NS PHẬT HỌC số 374 trang 31)

Trong tất cả các danh hiệu chư Phật và chư Bồ-tát, danh hiệu của Ngài là được chúng sanh trì niệm nhiều - Nhất là gặp những lúc điên đảo đau khổ đầy đao binh và tai nạn. Trong kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn, đức Phật so sánh phước đức của người thọ trì sáu mươi hai ức hằng hà sa số danh hiệu của các vị Bồ-tát khác thì trì niệm danh hiệu của Ngài là phước đức hơn hết.

Vả lại, chúng ta thường thấy sự thờ phụng Ngài bằng đất và vẽ tượng Ngài với hình dáng phụ nữ để tượng trưng cho lòng thương không bờ bến của Ngài là bà Mẹ hiền trong tất cả các bà mẹ hiền.

Nhành dương liễu và bình cam lồ là tượng trưng cho lòng từ bi trí giác ngộ của Ngài rưới tắt và làm dịu mát bao nỗi đau khổ, bao điều phiền não đang bùng cháy trong lòng chúng sanh. Hình vẽ Bồ-tát ngự trên hoa sen trắng trong biển động ba đào cho chúng ta biết rằng: mặc dù trong cõi đời dạt dào sóng gió đau khổ tai nạn chúng sanh đang hụp lặn nổi trôi; Bồ-tát Người của chân lý ngát hương thơm của hoa đạo, quyết đưa họ về với cuộc sống diệu hòa của chân lý.

Một hình tượng khác Ngài lại ngồi nhập định trong núi Phổ Đà, nhưng đồng thời vẫn thuyết pháp độ sanh, nói được ý hằng tùy duyên hóa độ chúng sanh, nhưng Ngài vẫn an trú nơi đạo tràng thanh tịnh.

Bên cạnh có tượng Long Nữ và Thiện Tài tượng trưng cho phạm hạnh đồng chơn của Bồ-tát; tuy ở trong bùn lầy ô trược trần gian đen tối, nhưng Bồ-tát vẫn hồn nhiên vui sống trong cảnh giới thanh tịnh của đạo màu trong trắng.

Ở một vài nơi như chùa Linh Sơn tại Sài-Gòn, chùa Bút Tháp ở Hà Nội, có thờ tượng Ngài đủ cả ngàn tay ngàn mắt. Tay là tượng trưng cho từ-bi, do từ-bi mà phát xuất vô lượng phương tiện để cứu độ chúng sanh. Mắt là tượng trưng cho trí tuệ, trí tuệ sáng suốt ngộ nhập chân lý và quán xét căn cơ của muôn loài để đưa họ về nơi bến giác. Những hình tượng trên đều nói được ý sáng tươi cao đẹp của Ngài và của chân lý, nên người ta thờ khắp nơi khắp chốn. Người ta còn đeo tượng Ngài ngay trên thân thể để được sống nhiều trong ảnh hưởng từ-bi và sự che chở màu nhiệm trong bàn tay giáo hóa của Ngài.

Kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn đức Phật Thích Ca Mâu Ni có dạy rằng: Quán Âm Bồ-tát có những hạnh nguyện rất vĩ đại, Ngài dùng oai thần diệu dụng hoá hiện vô số thân trong mọi loài để cứu độ; đáng dùng thân Phật để cứu độ, Ngài hiện thân Phật; cho đến đáng dùng thân đồng-nam đồng-nữ để cứu độ, Ngài hiện thân đồng-nam đồng-nữ để hoá độ, đáng dùng thân gì Ngài hiện thân ấy. Ngài hiện đủ ba mươi hai loại thân và hoá thân nhiều nhất của Ngài là hoá thân phụ-nữ.

Có nhiều người thắc mắc không hiểu Quán Thế Âm Bồ-tát là đàn ông hay đàn bà? Nơi

đây chúng ta thấy Ngài hiện vô số thân chớ không phải chỉ đàn ông hay đàn bà. Ngài dùng tất cả phương tiện để làm cho các chúng sanh khỏi khổ nạn tai ách, diệt trừ tham-sân-si đưa chúng sanh đến chỗ giác ngộ và giải thoát hoàn toàn. Nhất là Ngài thường ban bố đức vô-úy, hùng lực không sợ sệt trước tai nạn bất ngờ cho những chúng sanh hèn yếu.

Trong khế kinh và trên sự thật cho chúng ta biết Quán Thế Âm Bồ-tát là một vị Bồ-tát có rất nhiều nhân duyên với chúng sanh trong cõi Ta-bà này. Ngài lại đủ oai-thần và phương tiện để cứu khổ ban vui cho muôn loài. Nhưng có thừa hưởng được ân huệ của Ngài hay không, một phần lớn là do nơi chúng ta định đoạt, vì ngoài việc trì niệm danh hiệu, lễ bái cúng dường Ngài, bằng cách chúng ta hãy cố gắng thực hành theo hạnh từ-bi của Ngài, để làm vơi cạn bao nỗi khổ đau, bao điều sâu nảo cho mình và cho người trong hiện tại và tương lai.

Điều mà chúng ta cần hiểu rõ thêm là khi chúng ta chuyên tâm niệm danh hiệu của Bồ-tát thì bao nhiêu ý niệm xấu xa của chúng ta đều lắng xuống; tất nhiên mọi đức tánh tốt sẽ phơi bày; hạnh từ-bi trí tuệ gì cũng đều do đó mà phát sinh ra. Như thế chúng ta không phải ỷ lại nơi thần quyền, để mong được an vui hạnh phúc mà bằng mọi nỗ lực của cá nhân, chúng ta tự tu tự hành; giữ cho tâm mình thanh tịnh thì mới mong hiệp được sức gia hộ của Bồ-tát. Nam-mô Đại-từ Đại-bi Quán-Thế-Âm Bồ-tát.

Bồ Tát Quán Thế Âm (Avalokitesvara)

Được coi như vị Bồ-tát đầy tình thương, luôn luôn sẵn sàng cứu độ, giúp đỡ, chăm

sóc mọi người, mọi chúng sinh khi cần thiết. Bồ-tát Quán Thế Âm đã được tượng trưng trong truyền thống Phật giáo bằng hình ảnh một người nữ có ngàn con mắt để thấu hiểu và ngàn cách tay để giúp đỡ chúng sinh.

Bồ-tát Quán Thế Âm trong chân nghĩa thực sự, không phải là "một vị" Bồ-tát, mà là một lực lượng (force) vĩ đại của tình thương, có mặt khắp nơi, vô sở bất tại (omnipresent). Bạn là một người bình thường, nhưng trước một tình huống thương tâm, bạn bỗng quên mình lao người ra giúp đỡ kẻ bị nạn. Ngay chính lúc đó, Bồ-tát Quán Thế Âm đã thị hiện trong bạn, hay nói cách khác bạn đã là sự thị hiện của Bồ-tát Quán Thế Âm trong thế giới này.

Bồ tát Quan Thế Âm là một người có khả năng lắng nghe. Lắng nghe tiếng kêu bi thương của con người để tìm tới mà cứu độ. Hạnh của ngài là hạnh lắng nghe với tâm từ bi. Trong khi trì tụng danh hiệu của đức Quan Thế Âm Bồ tát Avalokitesvara thì chúng ta tiếp xúc được với năng lượng của tình thương trong trái tim của chúng ta. Chúng ta tiếp xúc được với năng lượng tình thương lớn của đức Bồ tát. Khi trì tụng như vậy chúng ta chế tác được năng lượng hùng hậu, năng lượng tập thể của tăng đoàn. Chúng ta mở lòng ra tiếp nhận năng lượng đó để những đau nhức, căng thẳng trong thân và trong tâm của chúng ta được ôm ấp và chuyển hóa. Vì vậy, nếu quý vị có những căng thẳng, những đau nhức trong thân thể thì quý vị mở lòng ra để cho năng lượng của tăng đoàn, năng lượng của đức Bồ tát thấm vào trong cơ thể và nó sẽ ôm ấp, chuyển hóa những căng thẳng, những đau nhức đó. Chúng ta chỉ cần trở về với giây phút hiện tại đừng suy nghĩ về quá khứ,

đừng lo lắng cho tương lai. Có mặt thật sự trong giây phút này, mở lòng ra thì năng lượng của đức Quan Âm sẽ đi vào trong cơ thể của mình và sẽ chuyển hóa những căng thẳng những đau nhức đó. Nếu chúng ta có những lo âu, sợ hãi buồn khổ thì chúng ta cũng nên mở trái tim ra để cho năng lượng đó của ngài và của tăng thân đi vào để ôm ấp, chuyển hóa.

Thực trong vòng năm mười phút, thân và tâm chúng ta sẽ nhẹ nhàng hơn rất nhiều. Chỉ cần đem tâm trở về với hơi thở, lắng nghe buông thư để cho năng lượng của đức Bồ tát có cơ hội đi vào thân và tâm, đừng lo lắng, đừng suy nghĩ chuyện này chuyện khác. Nếu chúng ta có một người thân ở nhà đang bị bệnh hoặc đang có khó khăn trong lòng, chúng ta cũng có thể gọi năng lượng này về, truyền năng lượng này về được bằng cách nghĩ tới người đó, hoặc gọi tên người đó một cách thầm lặng, năng lượng của đại chúng và của đức Bồ tát có thể được truyền về ngay trong giây phút hiện tại cho người đó và người đó sẽ cảm thấy bớt căng thẳng, bớt đau nhức, bớt khổ đau ngay trong giây phút hiện tại.

KINH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT CỨU
KHỔ - Quảng Minh (Tu Viện Huệ Quang)

NIỆM BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM (Tăng
Đoàn Làng Mai)



Âm thầm mưa

Tuệ Nga

*Em về gọi nắng sau hè
Lâu rồi nắng cũng chẳng về với em
Con chim làm tổ vườn bên
Cũng bay mất dạng từ đêm bão lửa*

*Lệ người nhỏ lạnh sông mưa,
Em ngồi đợi nắng đông đưa sợi buồn
Nhưng sao nắng vẫn biệt tăm
Em tôi hong tóc âm thầm mưa bay*

*Quê hương sao mãi đọa đầy
Trùng trùng thăm thăm phương mây u hoài
Cuối vườn còn sót nụ mai
Cánh hoa hay cánh sầu dài trong em*

*Ngôi đây hồn những hắt hiu
Trong chiều tịch mịch trong chiều cô liêu
Em về gọi nắng bao mùa
Lâu rồi nắng cũng chẳng lửa vào song*

*Một giòng sông nhớ mênh mông
Mi em ngân lệ một đời thương thân
Chiều mưa âm thầm mưa
Hồn em âm thầm mưa*

*Chút gì còn lại trong em
Chút gì còn lại trong tôi
Chút hồn luân lạc sâu phơi cuối đời*

(Bài thơ này, nhạc sĩ Từ Công Phụng phổ nhạc thành bài hát cùng tên.)

Thành Phố New York

Vinh Danh Thiền Sư Thích Nhất Hạnh Với Tên Đường Mới

Bài và ảnh: Bảo Hải

New York City, ngày 11 tháng 4 năm 2025 –

Trong cơn mưa xuân nhẹ nhàng và tiết trời se lạnh, thành phố New York đã chính thức khánh thành con đường mang tên "Thích Nhất Hạnh Way" tại giao lộ đường Broadway và West 109th Street, nhằm vinh danh Thiền sư Thích Nhất Hạnh – một thi

sĩ, tác giả, tu sĩ và nhà hoạt động hòa bình người Việt Nam được kính trọng trên toàn thế giới. Ngài được biết đến rộng rãi như là "cha đẻ của chánh niệm" nhờ công lao đưa thực tập này đến phương Tây và truyền cảm hứng cho hàng triệu người qua giáo lý Phật giáo dân thân và đời sống tỉnh thức.



Người tham dự tụ hội tại buổi lễ khánh thành con đường "Thích Nhất Hạnh Way" ở thành phố New York

Một Ngày Xuân Đầy Ý Nghĩa

Bất chấp thời tiết giá lạnh, hàng trăm người đã tụ hội tại giao lộ đường West 109th và Broadway, chỉ cách vài bước từ địa chỉ 306 West 109th, nơi Thầy Thích Nhất Hạnh từng ở chung một phòng studio trên tầng năm vào năm 1962-1963 với bạn cùng phòng – nay là Mục sư Stephen Headley. Người tham dự bao gồm chư Tăng Ni từ Tu Viện Bích Nham (New York), Tu Viện Lộc Uyển (California), các vị cư sĩ thuộc tăng thân Làng Mai tại khu vực New York, cùng các thân hữu đến từ khắp nơi trên nước Mỹ, thậm chí từ California và Việt Nam. Sở cảnh sát New York (NYPD) đã tạm thời đóng một đoạn đường West 109th gần giao lộ Broadway để phục vụ buổi lễ. Biển tên đường được phủ giấy và buộc bằng một sợi dây, sẵn sàng chờ được kéo ra. Hàng chục ghế trắng dành cho khách mời được sắp xếp ngay ngắn, trong khi những người còn lại tạo thành một vòng tròn lớn xung quanh. Bầu không khí tràn đầy niềm vui và sự trang trọng – với những nụ cười ấm áp, cái ôm thân tình, và những khoảnh khắc tĩnh lặng đầy chánh niệm.

Lễ Đặt Tên Đường Trong Niềm Hân Hoan

Buổi lễ bắt đầu lúc 11:30 sáng với phần phát biểu khai mạc của Thầy Pháp Lưu – một đệ tử lâu năm của Thiền sư Thích Nhất Hạnh và là một thầy lớn tại Tu Viện Lộc Uyển. Thầy bày tỏ lòng biết ơn đến các nhà tài trợ và những người đã không mệt mỏi vận động, thu thập chữ ký, đệ trình kiến nghị và dẫn dắt quá trình phê duyệt để sáng kiến đặt tên đường được thành công. Nghị viên Hội đồng Thành phố New York, ông Shaun Abreu, đã có bài phát biểu ghi nhận đóng góp to lớn của Thầy Thích Nhất

Hạnh đối với phong trào chánh niệm và hòa bình toàn cầu, đồng thời chia sẻ rằng hội đồng đã nhất trí thông qua đề xuất này với số phiếu tuyệt đối. Sau phần phát biểu của ông, Thầy Pháp Không – đại diện cho Tăng thân tại Tu viện Bích Nham – đã chia sẻ cảm tưởng và mời gọi cộng đồng tiếp nối di sản của Thầy bằng cách sống chánh niệm và hòa bình. Ông Abreu sau đó đã cùng mọi người đếm ngược hai lần trước khi kéo tấm giấy phủ và chính thức khánh thành biển tên đường. Mọi người cùng nhau hát vang “Đã Về Đã Tới” và “Hãy Gọi Đúng Tên Tôi” trong không khí tràn đầy biết ơn và hân hoan. Bà Đỗ Thủy, một vị giáo thọ đến dự buổi lễ từ Garden Grove, California, đã nhận xét: “Tôi nghĩ rằng, nếu người trẻ Việt Nam thật sự tìm hiểu sâu về cuộc đời của Sư Ông, vượt qua khuôn khổ của thiên và chánh niệm, họ sẽ thấy sự kiện ngày 11 tháng 4 mang một dấu ấn rất lớn. Nó không chỉ là một bảng tên đường, mà là lời nhắc nhở về một tấm gương sống đẹp mà họ có thể học theo.”



Biển tên đường “Thích Nhất Hạnh Way” vừa được khánh thành tại góc đường West 109th và Broadway

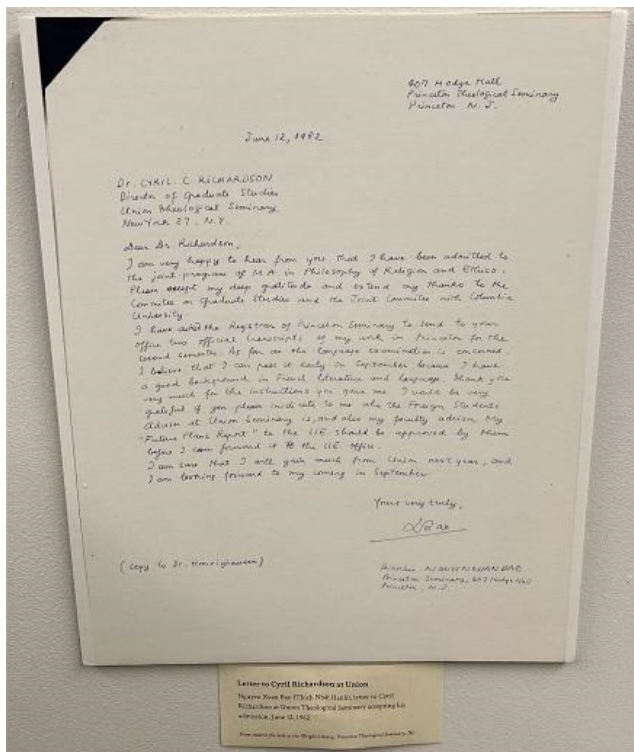
Thiền Hành và Triển Lãm Thư Pháp

Sau lễ đặt tên, Thầy Pháp Tuyên từ Tu

viện Bích Nham hướng dẫn đại chúng thực tập thiền hành – một pháp môn cốt lõi do Thiền sư Thích Nhất Hạnh truyền dạy. Các hành giả được mời gọi đi chậm rãi và tỉnh thức, điều hòa từng bước chân theo hơi thở. Từ góc đường West 109th và Broadway, đoàn người thiền hành trong im lặng dọc theo đại lộ Riverside Drive hướng về thư viện Burke của Trường Thần học Union. Bờ đông sông Hudson rực rỡ hoa xuân là phong nền thanh bình cho đoàn người đi trong chánh niệm. Hình ảnh hàng trăm người bước đi lặng lẽ, đầy chú tâm đã tạo nên một tương phản sâu sắc với nhịp sống hối hả thường nhật của Manhattan.

Khi đến thư viện Burke, mọi người được mời vào tham quan một triển lãm nhỏ nhưng được sắp đặt trang nhã với các tác phẩm thư pháp, sách vở và tư liệu lưu trữ về Thầy Thích Nhất Hạnh tại Đại học Columbia. Triển lãm được bố trí trong

hai căn phòng nhỏ với cửa sổ nhìn ra sân trong ngập tràn hoa xuân. Những bức thư pháp gốc được treo trên nền vải nâu – màu áo nâu của người xuất gia Làng Mai. Những cụm từ như “Peace in oneself, peace in the world” (Bình an trong tự thân, bình an trong thế giới) và “Enjoy this wonderful moment” (Hãy tận hưởng giây phút tuyệt vời này) nhắc nhở nhẹ nhàng về giáo lý của Thầy. Các bản sách trưng bày các tác phẩm từ cuốn kinh điển “The Miracle of Mindfulness” (Phép lạ của sự tỉnh thức) đến các sách mới hơn như “At Home in the World” (An trú giữa trần gian), được điểm tô bằng những bình hoa trang nhã, tạo nên không gian vừa học thuật vừa tĩnh lặng. Thật khó mà không bồi hồi khi nghĩ về hành trình của chú tiểu Phùng Xuân từ làng quê Nông Cống, Thanh Hóa đến hành lang học thuật của Columbia – và trở thành một trong những nhà lãnh đạo tâm linh có ảnh hưởng nhất thời đại.



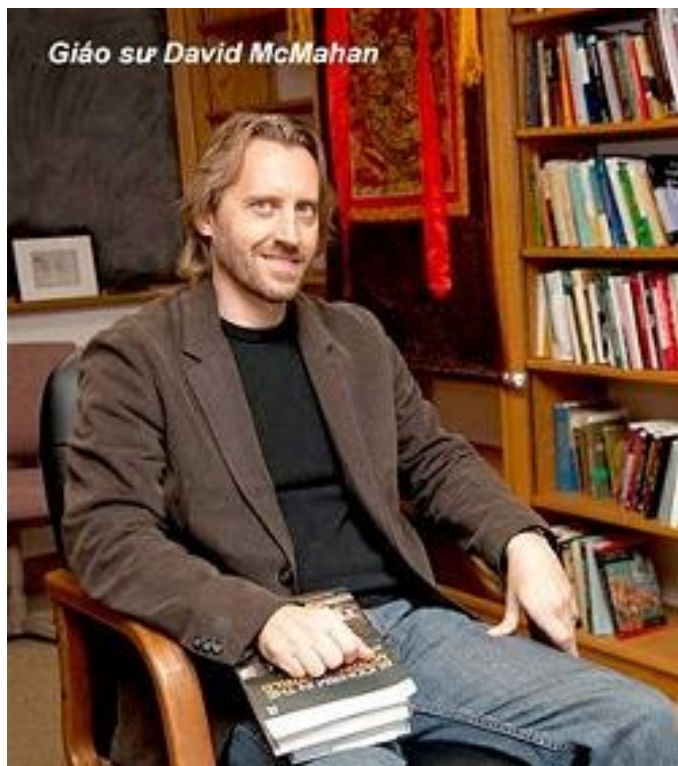
Bức thư năm 1962 của Thầy Thích Nhất Hạnh (khi đó là Nguyễn Xuân Bảo) chấp nhận nhập học tại Trường Thần Học Union.



Thành phố New York vinh danh Thiền sư Thích Nhất Hạnh

Khám Phá Những Căng Thẳng Của Phật Giáo Với Thời Hiện Đại

Tuệ Uyên



Giáo sư David McMahan

David McMahan là giáo sư ngành Nghiên cứu Tôn giáo tại Đại học Franklin & Marshall, Pennsylvania. Trong những năm gần đây, ông đã mang đến cho cộng đồng Nghiên cứu Phật giáo một cái nhìn sâu sắc và tinh tế hơn về sự tái tạo Phật giáo hiện đại. Cuốn sách "Sự hình thành Chủ nghĩa Hiện đại Phật giáo" (Nhà xuất bản Đại học Oxford, 2008) của ông lập luận rằng hiện đại hóa Phật giáo là một nỗ lực hợp tác có ý thức của người châu Á và phương Tây nhằm trang bị cho Phật giáo những công cụ tư tưởng mới để phát triển mạnh mẽ trong thế giới mới mẻ và đầy thách thức của thế kỷ 19 và 20.

Buddhistdoor Global: Nghiên cứu về cách thức thực hành thiền định ngày nay

mang lại cái nhìn sâu sắc như thế nào về quá trình hiện đại hóa hay thể tục hóa của Phật giáo?

David McMahan: Trong hơn một thế kỷ, đã có một số tranh luận về cách phân loại Phật giáo. Vào thế kỷ 19 ở phương Tây, thật khó để hình dung một "tôn giáo" không có đáng sáng tạo. Một số người mô tả Phật giáo như một hệ thống đạo đức hoặc một lối sống. Sự mơ hồ đó đã khiến nhiều khía cạnh của Phật giáo dễ dàng len lỏi vào các lĩnh vực của cuộc sống thuộc phạm trù "thể tục" hiện đại. Thiền định là lĩnh vực đã hoàn toàn tách biệt và tự khẳng định mình trong bối cảnh thể tục.

Vài thập kỷ gần đây đã mang đến những bước phát triển thực sự mang tính lịch sử trong lịch sử các phương pháp thiền Phật giáo và các phương pháp thiền bắt nguồn từ Phật giáo. Cần lưu ý rằng những phương pháp này bắt nguồn từ những người xuất gia phản văn hóa. Chúng được duy trì chủ yếu bởi các nhà sư chuyên tu trong nhiều thế kỷ, và mặc dù thiền tại gia không phải là điều chưa từng nghe đến, nhưng nó chỉ là ngoại lệ cho đến khi các phong trào thiền tập đại chúng ở Đông Nam Á bắt đầu cách đây hơn một thế kỷ. Kể từ đó, các phương pháp thiền không chỉ vượt ra ngoài phạm vi tu viện mà còn vượt ra ngoài các tổ chức Phật giáo. Chúng đang được sử dụng cho những mục đích mà trước đây người ta không thể tưởng tượng được: nâng cao năng suất và hiệu quả, làm bài thi tốt hơn, giảm đau, cai thuốc lá, v.v.

Điều này khả thi ở Hoa Kỳ vì các phương pháp thiền định bắt nguồn từ Phật giáo đã được định hình lại cả về mặt tu từ lẫn thực tiễn, mang tính thể tục và trị liệu theo nghĩa y học hiện đại. Việc định hình lại này cho phép chính phủ rút tiền cho nghiên cứu và giảng dạy các phương pháp này trong các trường công lập và đại học, những nơi không được phép quảng bá tôn giáo.

Việc coi những thực hành này là thể tục cũng đã tách chúng ra khỏi khuôn khổ đạo đức, triết học và vũ trụ học Phật giáo truyền thống, tất cả đều là một phần thiết yếu của những thực hành này trong quá khứ. Được trình bày mà không có bối cảnh này, chúng đã hấp thụ đủ loại giá trị, mục đích và định hướng đạo đức khác từ nền văn hóa rộng lớn hơn. Do đó, chúng ta có quản lý tiền bạc chánh niệm, tình dục chánh niệm, chánh niệm để giảm căng thẳng do nhịp độ làm việc hối hả của cuộc sống hiện đại.

BDG: Chánh niệm, khoa học thần kinh và những phát triển liên quan dường như bao hàm hiện thân thể tục “hiện đại” của Phật giáo. Tuy nhiên, điều này dường như là một hiện tượng mâu thuẫn, với các giáo viên chánh niệm phi tôn giáo cố gắng tách mình khỏi Phật giáo, hoặc các nhà lãnh đạo hay nhà khoa học Phật giáo cố gắng khẳng định nguồn cảm hứng Phật giáo cho nhiều phát triển trong khoa học thần kinh. Những lợi ích xung đột này có ý nghĩa gì đối với phân tích của ông về chủ nghĩa thể tục Phật giáo?

DM: Mỗi người có những mối quan tâm và lợi ích khác nhau trong việc tiếp nhận chánh niệm và mối quan hệ giữa chánh niệm và Phật giáo. Một số người có lợi ích cố hữu trong việc khẳng định với

những người khác rằng chánh niệm không phải là “tôn giáo” mà là tâm lý, trị liệu và khoa học. Họ muốn tách mình khỏi bất kỳ “chủ nghĩa siêu nhiên” nào và khỏi gánh nặng mà thuật ngữ “tôn giáo” thường mang theo trong giới trí thức hiện đại. Những người khác (hoặc trong một số trường hợp, thậm chí là chính những người đó) có thể muốn tận dụng sự huyền bí của “trí tuệ phương Đông”, và ý tưởng rằng trong thế giới mà mọi thứ dường như mới mẻ này, có những kỹ thuật được truyền lại từ thời cổ đại.

Tất cả những điều này đều liên quan đến vấn đề tính chính đáng và thẩm quyền. Một số Phật tử muốn lợi dụng uy tín to lớn của khoa học để củng cố tính chính đáng của các tư tưởng và thực hành Phật giáo. Những người khác có thể nản lòng trước sự thống trị của khoa học “duy vật” và tin rằng Phật giáo có thể mở rộng khoa học vượt ra ngoài định kiến duy vật hoặc cung cấp một cách suy nghĩ và nói về thực tại hoàn toàn khác, nằm ngoài diễn ngôn bá quyền của khoa học.

BDG: Ông có thể cho một vài ví dụ về quá trình hiện đại hóa đồng thời đa tiết, và chúng đã ảnh hưởng đến thực tiễn như thế nào?

DM: Mặc dù các phạm trù và tư tưởng phương Tây chắc chắn đóng vai trò quan trọng đối với quá trình hiện đại hóa Phật giáo, nhưng sẽ là sai lầm nếu nghĩ rằng quá trình này chỉ đơn giản là việc người phương Tây đưa Phật giáo vào thế giới hiện đại và người châu Á là những người theo chủ nghĩa truyền thống thụ động. Ngược lại, hầu hết những người theo Phật giáo bắt đầu các phong trào cải cách vào cuối thế kỷ 19 đều là người châu Á, như

Anagārika Dharmapāla ở Sri Lanka (lúc đó là Tích Lan), Sōen Shaku ở Nhật Bản và Thái Hư ở Trung Quốc. Họ vay mượn tư tưởng từ phương Tây nhưng cũng sử dụng chúng để phê phán chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc phương Tây.

Ở Tích Lan, Dharmapāla đã kết hợp các yếu tố của phong tục thời Victoria của Anh với các quy tắc tu viện Phật giáo và phát triển những cách thức mới để cư sĩ tự ứng xử (Stephen Prothero đã thảo luận về điều này trong cuốn sách của ông về Henry Steel Olcott, *The White Buddhist*). Ông cũng đã tạo ra một tác động lớn đến Paul Carus, người Mỹ gốc Đức, tại Nghị hội Tôn giáo Thế giới ở Chicago vào năm 1893. Sau đó, Carus trở nên say mê Phật giáo và cuối cùng đã viết Phúc âm của Phật giáo, một tập hợp các bản kinh đã dịch (cộng với một bản do chính Carus viết!) sau đó được dịch sang tiếng Nhật và được sử dụng trong chương trình giảng dạy của tu viện ở đó.

Vì vậy, quá trình hiện đại hóa Phật giáo mang tính đa tiết không phải theo nghĩa là những người khác nhau ở các nơi khác nhau trên thế giới tạo ra các phiên bản hiện đại hóa của Phật giáo một cách độc lập, mà mỗi người đều đóng góp vào việc tạo ra một diễn ngôn toàn cầu có liên quan với nhau.

BDG: Trong bài phát biểu của ông tại hội nghị “Phật giáo trong con mắt toàn cầu: Vượt ra ngoài Đông và Tây” ở Vancouver hồi tháng Tám, một trong những khán giả đã gán cho Phật giáo thuật ngữ “dễ dàng thông qua” (*easy passs*) vì một bộ

phận đáng kể người phương Tây thậm chí còn không coi Phật giáo là một tôn giáo, khiến nó trở nên tương đối không liên quan trong cuộc tranh luận về sự tách biệt giữa nhà thờ và nhà nước. Liệu sự “không liên quan” của Phật giáo có phải là một điều tốt, hay là diễn ngôn công khai của phương Tây về đức tin và xã hội đã bị bóp méo theo một cách nào đó vì không có tiếng nói Phật giáo nổi bật hơn (nếu điều đó có thể xảy ra)?

DM: Tôi nghĩ vấn đề này gợi ý những đường nét và giới hạn cụ thể của sự phân chia nhị nguyên điển hình của cuộc sống con người thành hai phạm trù cứng nhắc là “tôn giáo” và “thế tục”. Những khái niệm này được phát triển với Kitô giáo đại diện cho “tôn giáo” nguyên mẫu. Bởi vì Phật giáo không phải lúc nào cũng nằm gọn trong hai phạm trù được hình thành như vậy, nên nó đã được “thông qua” ở một số khía cạnh.

Ví dụ, một số chương trình nghiên cứu Phật giáo do nhà nước tài trợ ở Hoa Kỳ đã có thể hoạt động gần như các tu học viện Phật giáo. Và dĩ nhiên, nhiều phương pháp thiền Phật giáo, ngay cả khi nguồn gốc của chúng được công nhận, vẫn được trình bày là phổ quát và có thể thực hành được bởi bất kỳ ai, dù thuộc bất kỳ tôn giáo nào, hoặc không theo tôn giáo nào.

Sự khó khăn trong việc hòa nhập của Phật giáo với các phiên bản phương Tây của nhị nguyên tôn giáo/thế tục, theo một cách nào đó, lại có lợi cho việc thích nghi và chấp nhận nó ở phương Tây. Người phương Tây có thể “thấm nhuần” Phật giáo, tiếp thu một số giáo lý và thực hành của nó mà

không nhất thiết phải tự nhận mình là Phật tử hay tham gia các tổ chức Phật giáo. Ngược lại, các tổ chức Phật giáo có thể hoạt động như những “tôn giáo” với cùng sự bảo vệ và quy chế miễn thuế như các tôn giáo khác.

Những Phật tử chính thống hơn có thể chỉ trích những người “mê” Phật giáo. Thomas Tweed gọi họ là “Phật tử đầu giường” - những người có sách Phật giáo trên đầu giường nhưng không có mức độ chỉ nguyện cam kết cao hoặc tham gia các tổ chức Phật giáo. Tuy nhiên, họ đã phổ biến các tư tưởng, thực hành và hình ảnh Phật giáo ở phương Tây, khiến các khía cạnh của Phật pháp trở nên quen thuộc và được chấp nhận hơn.

BDG: Ông nhìn nhận thế nào về sự phát triển của “chủ nghĩa thế tục” Phật giáo ở phương Tây trong thập kỷ tới? Liệu nó sẽ còn thế tục hơn nữa, hay chúng ta sẽ thấy sự “mở rộng thâm nhập” gia tăng giữa tôn giáo và thế tục?

DM: Tôi nghĩ rằng nhiều khả năng các loại hình Phật giáo khác nhau sẽ tiếp tục phát triển. Tôi nghi ngờ rằng Phật giáo thế tục sẽ hoàn toàn thay thế các hình thức chính thống hơn. Cũng như Phật giáo có các hình thức đại chúng và tinh hoa ở châu Á, Phật giáo thế tục ở một số nơi gần giống như một hình thức tôn giáo đại chúng.

Thuật ngữ “tôn giáo đại chúng” thường được dùng để chỉ những hoạt động phi thể chế của người dân thường—nó không đòi

hỏi nhiều kiến thức chuyên sâu, tương đối tự do, không phụ thuộc vào thể chế, và thường quan tâm đến những lợi ích trần tục. Nó cũng có thể tồn tại trong một mối quan hệ không mấy dễ chịu với các hình thức chính thống và thể chế hơn, nhưng vẫn chồng chéo với chúng.

Phật giáo thế tục là một loại hình tôn giáo đại chúng-tinh hoa khác thường. Trong khi chế độ tu viện đang phát triển mạnh mẽ ở những nơi như Đài Loan và Đông Nam Á, có lẽ phần lớn Phật giáo ở phương Tây sẽ tồn tại ở cấp độ đại chúng này hơn là cấp độ thể chế. Phật giáo được thực hành bởi những người có thể không hoàn toàn tự nhận mình là Phật tử, nhưng có những tư tưởng và thực hành Phật giáo như một phần trong kho tàng các phương thức định hướng thế giới. Ở một số khía cạnh, điều này tương tự như cách thức vẫn luôn diễn ra ở Đông Á, nơi nhiều người đã thực hành các khía cạnh của nhiều truyền thống khác nhau (Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo) mà không nhất thiết phải gắn bó hoàn toàn với bất kỳ truyền thống nào. /.



LÂM-TỖ-NI
(Nơi Đản sinh Thái tử Tất-đạt-đa)
Phổ Đồng

*“Phật tại thế thời
Ngã đẳng trầm luân
Kim đắc nhơn thân
Phật dĩ diệt hậu.”*

TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) DƯỚI LĂNG KÍNH DUYÊN KHỞI TRONG PHẬT GIÁO

Tịnh Thủy

Để hiểu AI (trí tuệ nhân tạo) dưới lăng kính Duyên khởi trong Phật giáo, ta cần xem xét giáo lý Duyên khởi (Pratītyasamutpāda) – một nguyên lý cốt lõi của Phật giáo, nhấn mạnh rằng mọi hiện tượng đều phát sinh từ sự phụ thuộc lẫn nhau của các nhân và duyên, không có gì tồn tại độc lập hay tự bản chất. Dưới đây là phân tích cách AI có thể được nhìn nhận qua góc nhìn này:

Dưới lăng kính Duyên khởi, ta thấy:

Không có gì là ngẫu nhiên: Mọi sự việc xảy ra đều có lý do của nó, dù đôi khi ta không nhận ra. Một người thành công không phải do may mắn mà là kết quả của sự nỗ lực, kiên trì, cùng với các yếu tố khách quan khác như cơ hội, môi trường sống, v.v. Tương tự, một người thất bại cũng là tổng hòa của nhiều điều kiện.

Mọi thứ đều phụ thuộc vào nhau: Vạn vật trong vũ trụ đều có mối liên hệ mật thiết với nhau. Một bông hoa không thể nở nếu thiếu ánh nắng, nước, đất, và không khí. Mọi hành động của con người, dù nhỏ nhất, cũng có thể tạo ra những tác động lan truyền đến người khác và thế giới xung quanh. Điều này cho ta thấy rằng **không có cái "tôi" độc lập** và ta là một phần không thể tách rời của một mạng lưới khổng lồ.

Không có gì là vĩnh viễn: Mọi thứ đều thay đổi và không ngừng biến chuyển. Một mối quan hệ có thể bắt đầu, phát triển rồi kết thúc. Một quốc gia có thể hưng thịnh rồi suy

vong. Việc chấp nhận tính vô thường này giúp ta buông bỏ những chấp trước, lo âu, và sống trọn vẹn hơn trong từng khoảnh khắc.

1. Duyên khởi và bản chất của AI

Giáo lý Duyên khởi dạy rằng mọi sự vật, hiện tượng đều hình thành từ các nhân (nguyên nhân chính) và duyên (điều kiện hỗ trợ). Với AI, ta có thể phân tích như sau:

Nhân: AI được tạo ra từ các thuật toán, dữ liệu, và ý tưởng của con người. Ví dụ, các nhà khoa học, kỹ sư lập trình và các bộ dữ liệu lớn là những nhân chính dẫn đến sự ra đời của AI.

Duyên: Các yếu tố như phần cứng (máy tính, chip xử lý), nguồn năng lượng, môi trường công nghệ, và nhu cầu xã hội (như tự động hóa, phân tích dữ liệu) là những điều kiện hỗ trợ để AI vận hành và phát triển.

Quả: AI, với khả năng học hỏi, phân tích, và đưa ra quyết định, là kết quả của sự kết hợp giữa nhân và duyên. Tuy nhiên, theo Duyên khởi, AI không có tự tính (vô ngã), nghĩa là nó không tồn tại độc lập mà chỉ là sản phẩm của các yếu tố liên quan.

Như vậy, AI không phải là một thực thể tự sinh hay tự tồn, mà là một hiện tượng phụ thuộc vào vô số yếu tố khác, từ ý thức của con người đến các điều kiện vật chất và xã hội.

2. Ý nghĩa của Duyên khởi khi nhìn về AI

Không có tự tính: AI không có "bản ngã" hay một linh hồn độc lập. Nó chỉ là một chuỗi các mã lệnh và dữ liệu, **không tự có**, và sẽ **biến mất** khi các điều kiện duyên tan rã (ví dụ: mất điện, hệ thống bị hỏng).

Vô thường và thay đổi: AI không cố định mà **không ngừng thay đổi**. Các mô hình mới ra đời, thuật toán được cập nhật, và dữ liệu liên tục được bổ sung, khiến AI hiện tại luôn khác với AI của ngày hôm qua.

Trách nhiệm của con người: Duyên khởi nhấn mạnh **trách nhiệm** của những người tạo ra AI. Bởi vì AI không tự nó sinh ra mà là kết quả của **hành động** và **ý đồ** của con người, nên ta phải chịu trách nhiệm về những tác động, cả tốt lẫn xấu, mà AI gây ra cho xã hội.

3. Vô ngã và AI

Trong Phật giáo, giáo lý Vô ngã (anātman) khẳng định rằng không có cái "tôi" cố định hay bản chất vĩnh cửu trong bất kỳ hiện tượng nào. Áp dụng vào AI:

AI thường được mô tả như có khả năng "suy nghĩ" hay "học hỏi", nhưng nó **không có ý thức hay cái "tôi" thực sự**. AI chỉ là tập hợp các quá trình tính toán dựa trên dữ liệu và thuật toán, không có tự tính riêng biệt.

Quan niệm về AI như một thực thể độc lập (ví dụ, lo sợ AI "vượt tầm kiểm soát") có thể bị xem là một dạng chấp ngã, tương tự như cách con người bám víu vào ý niệm về cái "tôi". Dưới lăng kính Duyên khởi, AI chỉ là một chuỗi các nhân duyên, không có bản chất tự chủ riêng.

4. Mối liên hệ với khổ đau và luân hồi

Duyên khởi cũng giải thích sự sinh khởi của khổ đau (dukkha) qua 12 nhân duyên, trong đó vô minh (avidyā) là gốc rễ. Khi xem xét AI:

Vô minh và AI: Nếu con người sử dụng AI một cách thiếu trí tuệ, ví dụ để phục vụ tham ái (tham lam, quyền lực) hoặc tạo ra các công cụ gây hại (như vũ khí tự động), thì AI có thể trở thành một phần của chuỗi nhân duyên dẫn đến khổ đau. Vô minh ở đây là sự thiếu hiểu biết về bản chất phụ thuộc và vô thường của AI, dẫn đến việc lạm dụng hoặc thần thánh hóa nó.

Giải thoát khổ đau: Ngược lại, nếu con người sử dụng AI với trí tuệ (prajñā) và từ bi, ví dụ để hỗ trợ giáo dục, y tế, hoặc giải quyết các vấn đề xã hội, thì AI có thể trở thành một duyên lành, góp phần giảm thiểu khổ đau. Điều này phù hợp với giáo lý Duyên khởi, khi vô minh được thay thế bằng trí tuệ, chuỗi khổ đau có thể bị phá vỡ.

5. AI và tính không (Śūnyatā)

Trong truyền thống Phật giáo Bắc Truyền (Đại thừa), Duyên khởi liên quan chặt chẽ đến Tánh Không, tức mọi hiện tượng đều không có tự tính và chỉ tồn tại trong mối quan hệ phụ thuộc. AI, dưới góc nhìn này, không phải là một thực thể "thật" hay cố định, mà chỉ là một biểu hiện tạm thời của các nhân duyên. Ví dụ:

Một hệ thống AI, chẳng hạn như tôi (Grok, CoPilot, Gemini chat...) được tạo ra từ mã lập trình, thuật toán, dữ liệu, và ý định của AI. Nếu một trong những yếu tố này biến mất (như mất dữ liệu hoặc chip xử lý phần cứng), tôi sẽ không còn tồn tại. Điều này phản ánh tính vô thường và không có tự tính của AI.

6. So sánh với khoa học hiện đại

Giáo lý Duyên khởi có điểm tương đồng với một số khái niệm khoa học hiện đại, như tính bất khả phân (non-locality) trong cơ học lượng tử, nơi các hiện tượng được liên kết với nhau mà không cần nguyên nhân trực tiếp. AI, với mạng lưới dữ liệu và thuật toán phức tạp, cũng thể hiện sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các thành phần (phần cứng, phần mềm, dữ liệu). Nhà vật lý Einstein từng so sánh Phật giáo với khoa học hiện đại, cho rằng Phật giáo có thể phù hợp với các khám phá khoa học nhờ vào quan điểm Duyên khởi.

7. Ứng dụng thực tiễn của Duyên khởi trong việc sử dụng AI

Trí tuệ và từ bi: Phật giáo khuyến khích sử dụng trí tuệ để hiểu rõ bản chất của mọi hiện tượng. Khi phát triển và sử dụng AI, con người cần nhận thức rõ về các nhân duyên tạo nên AI, từ đó tránh lạm dụng hoặc kỳ vọng không thực tế.

Trách nhiệm đạo đức: Vì AI là sản phẩm của nhân duyên, con người có trách nhiệm tạo ra các duyên lành (như sử dụng AI để giải quyết vấn đề môi trường, y tế) và tránh các duyên bất thiện (như sử dụng AI để thao túng hoặc gây hại).

Thiền quán về AI: Hành giả có thể quán chiếu AI như một hiện tượng Duyên khởi, từ đó không bám víu vào ý niệm rằng AI là "thần thánh" hay "độc lập", mà thấy rõ bản chất vô ngã và vô thường của nó.

8. Ứng dụng lăng kính Duyên khởi vào đời sống:

Lòng từ bi và sự tha thứ: Hiểu rằng người

khác hành xử như vậy là do nhiều yếu tố tác động, bao gồm cả những tổn thương trong quá khứ của họ, giúp ta dễ dàng thông cảm và tha thứ hơn. Ta nhận ra rằng họ cũng là nạn nhân của các điều kiện và không có một bản chất "xấu" cố định.

Buông bỏ chấp trước: Khi ta hiểu rằng mọi thứ đều là sự kết hợp của duyên, ta sẽ không còn quá bám víu vào những thứ không thuộc về mình, dù là vật chất hay tình cảm. Điều này mang lại sự tự do và thanh thản trong tâm hồn.

Trách nhiệm cá nhân: Duyên khởi không phủ nhận trách nhiệm của mỗi cá nhân. Thay vào đó, nó nhấn mạnh rằng **chính hành động của ta cũng là một trong những duyên tạo nên kết quả trong tương lai**. Hiểu được điều này, ta sẽ cẩn trọng hơn trong lời nói, suy nghĩ và hành động của mình, vì chúng có thể gieo nên những duyên lành hoặc duyên dữ.

Kết luận

Dưới lăng kính Duyên khởi, AI không phải là một thực thể tự tồn hay có bản chất riêng, mà là một hiện tượng phụ thuộc vào các nhân duyên như thuật toán, dữ liệu, phần cứng, và ý định của con người. Hiểu rõ điều này giúp con người sử dụng AI một cách có trách nhiệm, tránh vô minh và tham ái, đồng thời hướng AI vào con đường mang lại lợi ích cho chúng sinh. Quan điểm Duyên khởi không chỉ giúp giải thích bản chất của AI mà còn cung cấp một cách tiếp cận đạo đức và trí tuệ trong việc phát triển và ứng dụng công nghệ này.

Tịnh Thủy

“NGHIỆP” TÁC ĐỘNG VÀO CÁI CHẾT CỦA CON NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO ?

Thích Nữ Hằng Như

I. DẪN NHẬP

Phật sử ghi lại rằng, vào canh Ba đêm thành đạo, đức Phật đã tìm ra câu giải đáp làm sao thoát khỏi cảnh “*Sinh, Già, Bệnh, Chết*”, tức thoát khỏi vòng “*luân hồi sinh tử*”. Câu trả lời là phải đoạn diệt tất cả “*lậu hoặc*”. Lậu hoặc chính là những dính mắc phiền não, xấu xa, ác độc, tham, sân, si... khiến tâm con người bị ô nhiễm từ đời này sang đời khác, và đời này con người ta vẫn tiếp tục luân tập lậu hoặc, tạo thành nghiệp. “*Lậu hoặc*” hay “*ng nghiệp*” là nguyên tố nhận chìm con người trong luân hồi sinh tử, là nguyên nhân của khổ đau. Muốn chấm dứt khổ đau, chấm dứt luân hồi sinh tử thì phải đoạn diệt tất cả các lậu hoặc, không có con đường nào khác!

Cũng trong canh Ba đêm thành đạo, đức Phật đã chứng ngộ bốn chân lý, đó là Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Qua bốn đế này, chúng ta tạm hiểu là con người sinh ra đời không ai hoàn toàn vui vẻ hạnh phúc. Trong cuộc sống, chúng ta thường gặp những điều bất như ý khiến chúng ta buồn khổ nhiều hơn là an vui, nên gọi là Khổ đế. Nhưng khổ không phải tự nó có, mà khổ do nhiều nguyên nhân gây nên. Muốn diệt khổ phải tìm cho ra những nguyên nhân gây khổ để từ bỏ. Những nguyên nhân này gọi là Tập đế. Khi không còn Tập đế nữa thì con người sẽ được giải thoát hết khổ, gọi là Diệt đế. Nhưng làm sao để diệt các nguyên nhân gây ra khổ, nghĩa là làm sao đoạn diệt “*lậu hoặc*”, đức Phật đưa ra phương pháp tu tập gọi là Đạo đế. Đạo đế là “*Con đường chân chánh*” gồm tám

nhánh. Trong kinh gọi là “*Bát Chánh Đạo*” hay “*Bát Thánh Đạo*” là con đường tu tập đưa đến giải thoát giác ngộ của các bậc Thánh gồm: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. (Xem “*Tương Ứng Giữa Giới-Định-Huệ và Bát-Chánh-Đạo*” trong quyển “*Trên Đường Về Nhà*” cùng tác giả).

Bài toán khó đã được đức Phật tìm ra phương trình giải đáp, phần còn lại, chúng sanh muốn đạt được cứu cánh, phải tự mình áp dụng tu tập, trải nghiệm trên thân tâm của mình.

Tất cả mọi người, mọi loài sinh ra ở thế gian này, đều trải qua chu kỳ “*Sinh, Già, Bệnh, Chết*”. Đức Phật nói “*Sinh (sống), Già, Bệnh, Chết*” là bốn cái khổ to lớn đè nặng trên mỗi con người. Trong bài viết này chúng ta chỉ đề cập đến nỗi khổ cuối cùng của đời người đó là cái chết. Nói về chết, thì ai cũng phải chết. Ngay cả đức Phật hay các vị Thánh Tăng đệ tử của Ngài cũng không thoát khỏi cái chết. Đúng rồi, ai cũng chết! Nhưng không phải mọi cái chết đều giống nhau. Có cái chết nhẹ nhàng thanh thoi như kiểu chết của một số thiện sư bỏ thân phàm một cách nhẹ tênh như cởi bỏ chiếc áo bông cũ rách mùa đông để thay chiếc áo mới, hay cái chết quằn quại đau đớn sợ hãi của những con người phàm tục tham sống sợ chết?

Là người phàm phu, đương nhiên chúng ta khó tránh được sự sợ hãi khi nghĩ đến cái

chết. Chết là một nỗi thống khổ trong bốn cái khổ to lớn và vô số cái khổ khác mà con người phải chịu đựng trong cuộc sống ở thế gian này. Đối diện với cái chết con người thường lo lắng không biết lúc ra đi, mình sẽ đi như thế nào cho được an lành thanh thản? Và sau đó thì đi về đâu trong ba cõi sáu đường? Đương nhiên kinh nghiệm này chúng ta chưa trải qua nên không biết được cái chết sẽ đến với chúng ta ra sao? Nhưng là người Phật tử, chúng ta có niềm tin vào những lời dạy của đức Phật. Đức Phật dạy rằng con người sống bằng thực dưỡng và hơi thở. Chỉ cần một niệm thở ra và không hít vô nữa, thì người đó sẽ chết. Ngay khi đó thần thức lập tức tái sanh qua đời sống khác. Còn tâm thân tứ đại sẽ tan rã theo thời gian. Nhưng mà trước khi chấm dứt hơi thở thì tâm trạng của người sắp chết như thế nào?

Chúng ta, không ít thì nhiều cũng đã từng chứng kiến sự ra đi của người thân quen. Hoặc đã từng nghe nói có những vị tu hành lâu năm, mà khi ra đi rất vất vả, ngược lại có những người cả đời không biết một câu kinh tiếng kệ, mà ra đi một cách an ổn nhẹ nhàng. Tại sao thế? Người hiểu Phật pháp sẽ trả lời rằng: *“Đó là do nghiệp nặng hay nhẹ của mỗi người”*. Trong bài chia sẻ này chúng ta cùng nhau tìm hiểu khái quát về ảnh hưởng của nghiệp tác động vào cái chết của mỗi người, nhất là tìm hiểu thế nào là nghiệp nặng, thế nào là nghiệp nhẹ?

II. NGHIỆP LÀ GÌ?

Nghiệp là những ý nghĩ, tư duy, lời nói và hành động được cất giữ trong ký ức của con người. Những ý nghĩ tốt hay xấu, những việc làm thiện lành hay ác độc, những lời nói êm ái hay xia xoi kết hợp với

những đam mê ghiền nghiện từ nhiều đời trước, theo ta sang tới đời này cùng với những tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến... mang đến hạnh phúc hay phiền não cho chính mình, hay cho những người xung quanh mình. Đó là nghiệp cũ đã đeo theo mình, cộng thêm nghiệp mới tạo ra trong đời này. Nghiệp là những nguyên tố đóng góp làm ô nhiễm tâm, trong nhà Phật gọi chung là *“lậu hoặc”*. Hễ còn *“lậu hoặc”* là còn sinh tử!

Nghiệp gây ra dù cố tình hay vô tình, dù quên hay nhớ, tất cả đều được cất giữ trong ký ức của người gây ra nghiệp. Đức Phật dạy rằng: *“Con người tạo ra nghiệp và thừa tự nghiệp mình đã gây ra”*. Nghiệp cất giữ trong ký ức lâu ngày sẽ có năng lực ảnh hưởng tới đời sống của con người gọi là *“Nghiệp lực”*.

Người mang nghiệp nặng là người đã từng có những hành động xấu ác, trong tâm người đó luôn nặng nề vẫn đục, luôn nóng nảy bất an, có khi buồn khổ vì bút rứt hời hận điều gì đó còn ẩn chứa trong tâm không thể nói ra trước khi chết. Lại có những dạng người trong giờ phút lâm chung phải chịu nhiều đau đớn, muốn chết ngay cũng không chết được. Đó là những người khi sống hành nghề đồ tể, giết bò, giết heo hay hại người đến chết. Những tiếng thét la đau đớn hằng ngày của những con người hay con vật bị ép tử đó, lúc này vây quanh ám ảnh, khiến tâm thức người sắp chết vô cùng hỗn loạn sợ hãi. Khi chết, cái tâm nặng nề đó bị nghiệp lực xấu cuốn hút sanh về đường dữ mà thuật ngữ trong kinh gọi là *“ác thú”*. Người mang nghiệp nhẹ là những người khi sống tạo ra nghiệp tốt nhiều hơn nghiệp xấu. Tóm lại, tùy theo nghiệp nặng hay nhẹ mà sự ra đi của người đó được nhẹ nhàng an nhiên hay khó khăn, chật vật, đau khổ?

III. CÁC LOẠI NGHIỆP QUYẾT ĐỊNH SỰ TÁI SANH

Trong nhà Phật có bốn loại nghiệp quyết định sự tái sinh của người sắp chết. Đó là Thường nghiệp, Tích lũy nghiệp, Cực trọng nghiệp và Cận tử nghiệp.

A. THƯỜNG NGHIỆP

Thời nay, khoa học nói rằng một người có bộ não bình thường, ký ức tê bào não sẽ ghi nhận tất cả những gì con người làm hằng ngày qua tác ý, lời nói và hành động. Ngày xưa, đức Phật giảng rằng Thường nghiệp là những gì chúng ta làm hằng ngày qua ý, lời và hành động thành thói quen, được cất giữ trong tàng thức. Con người gây ra nghiệp gì thì sẽ thừa hưởng hậu quả của nghiệp ấy! Thường nghiệp có hai loại: Thiện và ác.

1. Thường nghiệp thiện: Còn gọi là “*Tập quán nghiệp*”. Tập quán nghiệp là những việc thiện hay ác mà người ta làm hằng ngày theo thói quen không từ bỏ được. Thường nghiệp thiện có thể nói là cuộc sống hằng ngày của con người, là việc làm thiện lành đóng góp vào sự phát triển của đời sống cộng đồng xã hội như những vị Bác sĩ cứu người, như những vị hành nghề giáo dục, truyền dạy văn hóa giúp học sinh mở mang kiến thức giúp đời, hay các nhà nghiên cứu tìm tòi phát minh trên nhiều mặt y học, khoa học, thiên văn, vật lý, kỹ thuật v.v... giúp cải thiện cuộc sống nhân loại trên hành tinh này. Chẳng hạn như mới đây trong một thời gian ngắn các nhà bác học đã nỗ lực phát minh ra các loại thuốc chích ngừa giúp xoa dịu sự kinh hoàng của nhân loại trước căn bệnh lây lan Covid-19 đã lấy đi mạng sống của gần 2 triệu người trên toàn cầu... Về đạo đức, như những người sống trong gia đình là những người con hiếu thảo thuận hòa, chăm sóc

ông bà, cha mẹ già yếu với lòng trân trọng biết ơn người sanh ra và dưỡng dục mình. Là người chồng, người vợ chung thủy. Là bậc cha mẹ biết hy sinh vì con cái. Ra ngoài xã hội, là người hay làm việc thiện, đóng góp ít nhiều công sức vào những công tác thiện nguyện giúp người cơ nhỡ đói nghèo bất hạnh. Về tâm linh là người hay đến chùa nghe kinh nghe kệ, tham dự những khóa học Phật pháp hay nhập thất chuyên tu nhằm chuyển đổi nhận thức, chừa bỏ tật xấu, siêng làm việc lành tránh việc ác. Những việc phước báu như thế lâu ngày sẽ tạo nên sức mạnh gọi là “*Nghiệp lực*” thúc đẩy người đó khi lâm chung được sanh trở lại Cõi Người hay lên Cõi Trời.

2. Thường nghiệp ác: Ngược lại với Thường nghiệp thiện là Thường nghiệp ác. Những người chuyên sống bằng các nghề mang lại sự đau khổ, chết chóc như thọc huyết trâu, bò, heo, chó, hành nghề buôn lậu, buôn bán người, buôn bán trẻ em, buôn bán si-ke ma túy, độc dược, hay làm việc trong các kỹ nghệ chế tạo sản xuất súng đạn là những vũ khí giết người v.v... Những Thường nghiệp ác này kết tụ thành lực, và lực này đặc biệt sẽ tác động vào con người khi lâm chung tái sanh vào cõi xấu.

B. TÍCH LŨY NGHIỆP

Có sách ghi là “*Bảo lưu nghiệp*”, tích lũy hay bảo lưu là giữ lại. Tích lũy nghiệp là những việc làm nhỏ nhặt, tốt hay xấu, làm rồi mà không để tâm nhớ đến, nhưng nó vẫn được cất giữ trong tàng thức. Tích lũy nghiệp tuy không có công năng mạnh mẽ như Thường nghiệp, nhưng khi đủ lực, nó cũng ảnh hưởng đến cuộc sống của con người, bởi hễ gây nghiệp thì phải thọ quả nghiệp mình gây ra.

1. Tích lũy nghiệp lành: Chẳng hạn như

một người đi đường thấy cây đinh liền lượm lên mang về nhà cho vào thùng rác. Người lượm đinh lúc đó không nghĩ là mình đang tạo nghiệp tốt, chỉ là không muốn mình dẫm lên cây đinh. Nhưng hành động này vô tình giúp cho những người khác không bị thương khi vô ý dẫm phải. Đây chính là hành động thiện lành. Hành động này đã được cất giữ trong tàng thức của người đó, mặc dù sau một thời gian người đó không còn nhớ tới và cũng không có cơ hội thường lượm đinh nữa! Một thí dụ khác, như giúp một cụ già băng qua đường, hay tặng cho người ăn xin vài đồng, hoặc thấy con mèo sắp vô chủ chim, người đó nhanh chân xua đuôi mèo giúp con chim thoát chết. Những việc làm này khác thời điểm, khác không gian, người làm không mấy chú ý quan tâm, nên sau một thời gian thì quên bẵng đi. Tuy vậy, những việc làm thiện nho nhỏ, tích lũy lâu ngày sẽ thành lớn, gọi là “*tích lũy nghiệp thiện*”, như nước rĩ từng giọt trong lu chứa, lâu ngày nước sẽ đầy lu.

2. Tích lũy nghiệp xấu: Là những việc làm ác ý hay không ác ý, khiến tổn thương những sinh linh khác, như trong nhà có mây con gián cảm thấy bức mình đập chết. Ngoài sân có mấy ổ kiến mình rải thuốc hoặc xịt nước cho nó đi chỗ khác. Vô ý dẫm đạp côn trùng nhỏ dưới chân v.v... Trong cuộc mưu sinh hằng ngày thỉnh thoảng có những va chạm, nói năng xúc phạm người này, đụng chạm người khác, hay trong sở làm mình đối xử không công bằng, bênh vực người này, ép bức người kia, khiến người này vui, người kia tổn thương v.v... Lâu ngày quên mất!

Tất cả những việc nhỏ, lớn, dù thiện dù ác, dù cố ý hay tình cờ, nhớ hay không nhớ... đều tích lũy trong tàng thức của mình tạo thành nghiệp. Khi năng lực Tích lũy thiện

manh tự dung một ngày đẹp trời gặp người tốt giúp đỡ mình vô vụ lợi, hoặc gặp may mắn trong công ăn việc làm, hay xui khiến đang đứng chỗ này bỗng dưng dời sang chỗ khác không lý do, lại tránh được tai nạn. Khi nghiệp ác tích lũy nhiều, đủ năng lực, nó sẽ xuất hiện hỗ trợ Thường nghiệp ác, khiến cho người gây nghiệp trở tay không kịp, gặp chuyện xui rủi hay tai nạn bất ngờ. Nói chung, những may rủi họa phúc xảy ra bất chợt giống như tình cờ đó, một phần có thể do Tích lũy nghiệp thiện hay ác thúc đẩy.

Tích lũy nghiệp không có sức mạnh lộ diện rõ ràng như Thường nghiệp, nhưng nó có sức mạnh giúp đỡ hỗ trợ hay ngăn cản những Thường nghiệp. Biết như vậy, chúng ta chớ xem thường những Tích lũy nghiệp này.

C. CỤC TRỌNG NGHIỆP

Cục trọng nghiệp là nghiệp có năng lực mạnh mẽ, cho Quả vượt trội hơn các nghiệp khác. Có hai loại: Cục trọng nghiệp thiện và Cục trọng nghiệp ác.

1. Cục trọng nghiệp ác: Trong Kinh văn, đức Phật dạy có năm cục trọng nghiệp ác là: Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm Phật bị thương và chia rẽ hòa hợp Tăng. Ngày nay chỉ còn ba Cục trọng nghiệp, vì đời này không có vị A-la-hán, không có Phật. Người nào giết Cha, hay giết Mẹ hoặc gây chia rẽ Tăng đoàn thì cho dù người ấy làm nhiều việc tốt như đóng góp tiền tài vật chất xây cất chùa chiền, như góp công góp của đúc chuông, đúc tượng Phật, tượng Bồ-tát, sửa đường, xây cầu, đào giếng, giúp nuôi trẻ mồ côi, giúp nuôi người già neo đơn v.v... nhưng lỡ phạm một trong ba cục ác này thì khi chết bị đọa liền địa

ngục không ai cứu nổi.

2. Cực trọng nghiệp thiện: Có hai quả Cực trọng nghiệp thiện.

a) Thứ nhất là người nào cả đời thường làm những việc phước đức lớn lao. Khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên cõi Trời ngay tức khắc.

b) Quả thiện cực trọng thứ hai là đắc các tầng Thiên. Nếu trong giây phút lâm chung, người đó đắc thiên Định, thì Cực trọng nghiệp thiện này đưa người đó lên cõi Phạm Thiên liền. Còn những tội lỗi trước lúc chưa đắc Định hay những Thường nghiệp khác nếu có, không kịp trở Quả trong lúc này.

D. CẬN TỬ NGHIỆP

Là nghiệp tạo ra ngay trước lúc chết, có năng lực vô cùng mạnh mẽ, ưu tiên trả Quả trước cả “*Thường nghiệp*” và “*Tích lũy nghiệp*”. Thí dụ như một sát-na trước khi lâm chung mình đang nghĩ đến điều tốt đẹp, chẳng hạn như tưởng nghĩ đến hình ảnh đức Phật, đến một cảnh chùa quen thuộc, hoặc đang nghe một bài kinh, hay đang niệm Phật, hoặc đang trong thiền Định... Nếu ngay lúc đó chấm dứt hơi thở, thức cuối cùng do nghiệp lành thúc đẩy sanh về cõi lành ngay tức khắc.

Nếu tâm người sắp chết xuất hiện những sân hận thù ghét, những bức tức khó chịu, thì thức cuối cùng này đưa thần thức tái sanh đến những đường dữ, bởi những Thường nghiệp lành chưa đủ mạnh để vượt qua Cận tử nghiệp.

Nếu có nhiều phước báu gặp Cận tử nghiệp tốt, thì người sắp lâm chung ra đi nhẹ nhàng. Tuy nhiên cũng có trường hợp “*Thường nghiệp ác*” quá mạnh với

sự hợp tác của “*Tích lũy nghiệp ác*” sẽ trôi lên đây Cận tử nghiệp tốt yếu ớt qua một bên, và dẫn tâm thức đi tái sanh vào cõi xấu ngay tức khắc, hoặc và Thường nghiệp thiện gặp duyên may trôi lên tác động tử thức tái sanh vào cõi lành. Nên thật khó biết được Cận tử nghiệp của mình ra sao, vì thế lúc sinh thời nên tu tập tạo nghiệp lành tránh nghiệp dữ, để mình có tư lương thiện lành mạnh mẽ chuẩn bị cho lúc cuối đời.

Đời nay, chúng ta thấy có nhiều gia đình khi có thân nhân sắp qua đời đã mời quý Thầy đến khai thị, tụng kinh, niệm Phật hộ niệm. Việc làm này có giá trị là giúp cho người sắp qua đời nghĩ nhớ đến những điều lành, hướng tâm đến Phật, buông bỏ tất cả những tình cảm luyến ái của cái trần gian để nhẹ nhàng ra đi. Trong giây phút Cận tử nghiệp mà tâm thần được an ổn, ý thiện xuất hiện ngay lúc đó sẽ được tái sanh về cõi lành. Đó là tự mình cứu lấy mình, chứ những người hộ niệm xung quanh chỉ hỗ trợ giúp mình mà thôi!

IV. BA GIAI ĐOẠN XUẤT HIỆN TRONG TÂM NGƯỜI SẮP LÂM CHUNG

Theo lời dạy của các bậc tôn túc, thì khi người sắp lâm chung thường có ba giai đoạn hiện ra trong tâm người sắp tắt thở. Thứ nhất là Thường Nghiệp; thứ hai là Nghiệp tướng; thứ ba là Thú tướng.

1. Thường nghiệp: Thường nghiệp nào mạnh nhất sẽ xuất hiện trong giờ phút lâm chung. Nghiệp này thúc đẩy thức đi tái sanh.

2. Nghiệp tướng: Tướng là hình ảnh. Nghiệp tướng là những hình ảnh liên hệ đến Thường nghiệp. Nếu Thường nghiệp thiện thì những hình ảnh thiện

lành hiện ra trong tâm người sắp lâm chung. Chẳng hạn như người ấy thấy mình đang dạo chơi trong một rừng hoa, đang tụng kinh niệm Phật, đang đọc quyển sách hay, đang lắng nghe tiếng chuông chùa v.v...

Nếu Thường nghiệp ác xuất hiện thì trong tâm người sắp mất sẽ thấy những hình tượng ghê gớm dữ dằn chẳng hạn như thấy một hồ máu chận trước đường đi, thấy mình lạc vào khu rừng âm u, tối tăm không biết lối ra, hay thấy những con thú dữ đang gầm gừ muốn xé xác mình v.v...

Đó là những hình ảnh xấu hay tốt hiện ra trong tâm người sắp mất tùy theo sự thúc đẩy của Thường nghiệp.

3. Thú tướng: Khi Nghiệp tướng phát sanh thì tâm thức tái sanh nắm bắt cảnh giới tái sanh tương ứng ngay trước mắt tức khắc. Thú tướng là nơi tử thức sẽ tái sanh.

Thí dụ như “*Thường nghiệp lành*” xuất hiện, thì “*Nghiệp tướng lành*” hiện ra trong tâm người sắp lâm chung, toàn những cảnh thanh nhàn u nhã, tâm người đó nhẹ nhàng, hoan hỷ, thì “*Thú tướng*” nắm bắt ngay chỗ tương ứng, hiện ra cảnh giới mà người đó sẽ tái sanh, có thể sanh lên làm Người hay được thăng thiên lên cõi Trời.

Nếu như sống trên đời, mình phạm quá nhiều tội ác, giết người hại vật. Khi sắp chết, năng lực “*Thường nghiệp ác*” xuất hiện, “*Nghiệp tướng xấu*” hiện ra những cảnh ghê rợn, khiến người sắp chết hoang mang sợ hãi. Ngay lúc đó, “*Thú tướng*” xuất hiện một trong bốn ác đạo mà người đó sẽ tái sanh vào đời kế tiếp.

Gặp “*Nghiệp tướng*” này, người sắp lâm chung rất cần sự hộ niệm của mọi người để

nhắc nhở tâm thức người này nương tựa vào lời niệm Phật, lấy lại sự bình tĩnh sáng suốt mà ra đi.

Làm sao biết được hình ảnh nào xảy ra trong tâm người sắp mất? Tạm trả lời là nếu hình ảnh ghê rợn xuất hiện trong tâm thì khuôn mặt người sắp mất lộ nét sợ hãi, chừng như cưỡng lại không muốn chết. Nếu hình ảnh an vui nhẹ nhàng xuất hiện trong tâm, thì nét mặt của người sắp chết lộ nét thanh thản tươi tắn, ra đi nhẹ nhàng.

V. KHI NÀO “NGHIỆP” TRỞ “QUẢ” ?

Chúng ta biết tất cả những suy nghĩ, nói năng hay hành động dù tốt hay xấu đều được cất giữ trong ký ức tạo thành Nghiệp. Tất cả những hành vi tạo tác qua thân, miệng, ý ấy chính là Nghiệp, là Nhân. Khi đủ duyên thì Nhân trở Quả. Trong cuộc sống của chúng ta Quả trở ra rất nhiều lần, có khi nhẹ, có khi nặng, có khi trở ngay trong đời này hoặc trở ở đời sau... Nghiệp được phân biệt theo thời gian trả Quả có bốn loại:

1. Nghiệp trả Quả tức khắc, còn gọi là Hiện nghiệp: Là Nghiệp gây ra trong đời này, trước sau gì cũng phải trả ngay trong đời này.

2. Nghiệp trả Quả tiếp theo: Sau khi lìa bỏ kiếp sông hiện tại, tái sanh vào kiếp tới, mới trả Nghiệp gây ra trong kiếp này.

3. Nghiệp Vô Tận: Là Nghiệp trả Quả sau kiếp tái sanh, cho đến khi chấm dứt vòng luân hồi sinh tử.

4. Nghiệp Vô Hiệu: Nếu “*Nghiệp Tức Khắc*” không đủ duyên trở Quả trong kiếp này thì trở thành Vô hiệu. Nếu “*Nghiệp cho Quả trong kiếp sau*” không đủ điều kiện thuận lợi để trả thì trở thành Vô Hiệu.

Nhưng “*Nghiệp Vô Tận*” thì không thể Vô Hiệu được. Nghiệp này tồn tại mãi cho đến khi chấm dứt vòng luân hồi mới ngưng.

Tóm lại, khi “*Nghiệp trả Quả tức khắc*” và “*Nghiệp trả Quả trong kiếp tới*” không đủ duyên thì chúng trở nên Vô Hiệu. Riêng “*Nghiệp Vô Tận*” sẽ theo chúng sanh từ đời này sang đời khác. Khi thì làm Người, khi thì làm Trời hoặc sinh ra trong các cảnh Khổ để trả nghiệp cho tới khi nào chấm dứt luân hồi. Tất cả chúng sanh đều có kho chứa Nghiệp Vô Tận này. Gặp hoàn cảnh hay cơ hội thuận tiện Nghiệp sẽ trôi lên khiến ta nhận Quả tốt hay xấu do chính ta gây ra từ nhiều đời nhiều kiếp.

VI. THỂ NÀO LÀ NGHIỆP BẤT THIỆN VÀ NGHIỆP THIỆN ?

Sống ở đời thật khó mà giữ không tạo Nghiệp. Nếu không tạo Nghiệp thì chúng ta đã không sanh làm Người trong đời này. Mà cho dù sanh ở đâu? Cõi lành hay cõi dữ, thì đó cũng là cách chúng ta chết đi rồi tái sanh vào một trong các cõi đó để thọ nghiệp. Sanh cõi lành là nhờ chúng ta đã tạo nhiều điều lành. Còn sanh vào đường dữ là do chúng ta đã tạo nhiều nghiệp dữ qua thân, khẩu, ý. Có mười loại Nghiệp dữ hay Nghiệp bất thiện như sau:

- Ba nghiệp bất thiện về Thân:

1) Nghiệp sát sanh: Là giết người, súc vật và ngay cả những côn trùng bé nhỏ. Người nào giết hại một hay nhiều chúng sanh là người đó đã tạo Nghiệp ác.

2) Nghiệp trộm cắp: Là lấy bất cứ vật gì mà chủ nhân không đồng ý. Lường gạt giờ làm việc, làm ít khai nhiều để ăn lương cũng là hành động trộm cắp.

3) Nghiệp tà hạnh: Là thông dâm với người không phải là vợ hay chồng của mình, hãm hại hiếp dâm người khác hay có những hành động bất chánh tà vạy đối với mọi người và ngay cả với chính bản thân mình. Ngoài ra, đánh đập người hay súc vật để thỏa mãn thú tính của mình cũng thuộc về tà hạnh.

- Bốn nghiệp bất thiện về Khẩu:

1) Nghiệp nói dối: Chủ tâm nói không đúng sự thật gây tai hại, làm mất nhân phẩm hay khiến người khác lâm vào tình trạng hiểm nguy.

2) Nói lời đâm thọc: Với mục đích gây chia rẽ người khác.

3) Nói lời hung dữ: Dùng lời hung dữ, cộc cằn, thô lỗ thóa mạ khiến người khác bị tổn thương.

4) Nói lời vô ích: Dùng lời hoa mỹ để tự tôn vinh mình, hoặc nói chuyện trên trời dưới đất không giúp ích gì cho việc tu tập thoát khổ giác ngộ.

- Ba nghiệp về Ý:

1) Tham (lạm): Có tâm muốn chiếm đoạt vật sở hữu của người khác làm của mình.

2) Sân (hận): Tâm giận dữ, thù ghét... cầu mong kẻ thù bị hãm hại, bị thương vong.

3) Si (tà kiến, xử dụng chất say): Xử dụng chất say khiến tâm không còn tỉnh táo dễ gây ra những hành động hại mình hại người tạo Nghiệp ác. Chấp tà kiến không tin Nhân Quả, cho rằng không có Nghiệp nên tự do tạo Nghiệp ác.

Ba nghiệp này chưa phải là hành vi thực hiện qua thân và lời mà chỉ là ý nghĩ xuất

hiện trong Tâm. Do đó tham, sân, si được gọi là ba Nghiệp về Ý.

Trên đây là mười Nghiệp bất thiện. Ngược lại với bất thiện là mười Nghiệp lành. Đó là: 1) Không sát sanh, 2) Không trộm cắp, 3) Không tà hạnh, 4) Không nói dối, 5) Không nói lời đâm thọc, 6) Không nói lời hung dữ, 7) Không nói lời vô ích, 8) Không tham, 9) Không sân, 10) Không Tà kiến (Si).

VII. KẾT LUẬN

Chúng ta biết rằng từ vô thủy vô chung đến nay, không một người nào sanh ra đời sống mãi với thời gian. Con người là một hiện hữu nhỏ nhoi và ngắn hạn trong vũ trụ. Tuổi thọ lâu nhất của đời người dài lắm cũng chỉ hơn trăm năm đôi chút. Trong đời sống trầm luân vui buồn đau khổ này, có ai không tạo nghiệp? Tạo nghiệp thì phải chịu luân hồi tái sanh để thọ nghiệp đã gây.

Muốn thoát khỏi luân hồi sinh tử, đức Phật dạy là phải tu tập làm sạch lậu hoặc tức sạch nghiệp. Mà nghiệp đã gây ra từ nhiều đời nhiều kiếp, đến đời này nghiệp quá sâu dày làm sao xóa được? Theo đạo Phật thì chúng sanh có thể tu tập để sạch nghiệp. Đức Phật chỉ cho chúng sanh 37 phương thức tu tập để hỗ trợ cho việc đoạn trừ lậu hoặc cũng có nghĩa là làm sạch nghiệp mà chúng sanh đã gây ra, trong đó phải kể đến Bát Thánh Đạo. Tùy theo căn cơ chúng sanh chọn cho mình pháp thích hợp để tu tập.

Phương thức tu hành nào của Phật dạy cũng đều thông qua Giới-Định-Huệ.

Giới là sống đàng hoàng không gây ra những lỗi lầm hại người, mà hại người cũng chính là tự hại mình. Đó là tránh hành

“Mười Nghiệp Bất Thiện” nêu trên. Cơ bản: “*Siêng làm việc lành, tránh làm việc ác*” tức là siêng tạo Thường Nghiệp thiện lành, tránh gây Thường Nghiệp bất thiện.

Ngoài ra Phật cũng dạy “*nên giữ Ý trong sạch*” nghĩa là trong tâm không khởi ý phân biệt tốt xấu hại người mà nên phát huy tâm từ bi hỷ xả đối với tất cả mọi chúng sanh với tâm tôn trọng bình đẳng.

Muốn đạt cứu cánh rốt ráo hành giả chọn tu theo con đường đức Thế Tôn dạy là thực hành “*Bát Thánh Đạo*”. Muốn tu đúng, mình cần có Chánh kiến, Chánh tư duy để phân biệt chánh, tà, tức phân biệt điều thiện thì làm, điều ác thì tránh. Mình hành thiện bằng cách thực hành đúng theo Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng nghĩa là mình giữ Giới, tránh gây những Thường nghiệp ác qua thân, khẩu, ý. Bên cạnh đó mình giữ Chánh niệm, khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, giữ niệm Biết không rời về sáu trần, không để vọng niệm hiện tại xen vào khen chê, hoặc ký ức quá khứ gây phiền não, hay trí năng rượt đuổi chuyện chưa xảy ra ở tương lai. Tất cả những hành này đều là nguyên nhân gây nên Nghiệp xấu.

Ngoài việc giữ Giới trong sạch, hành giả cần tu thiền Định. Trong trạng thái Định sâu (giới thể trong sạch) các lậu hoặc sẽ bị cô lập không trôi nổi. Trong trạng thái tâm trong sạch, yên lặng, định tĩnh đó... bất chợt vọng tưởng khởi lên, hành giả lặng lẽ ghi nhận các pháp tự đến tự đi, tự sinh tự diệt, mà không phản ứng gì. Hành giả nhận thức như thật các pháp này đều vô thường, vô ngã, trống rỗng, hành giả yếm ly không dính mắc, ngay lúc đó hành giả ở trong trạng thái Định-Huệ đồng thời, tuệ tri mình thoát khỏi giải thoát.

Nếu ở trong trạng thái này (Cực trọng thiện nghiệp) khi thân hoại mạng chung hành giả không còn bị ảnh hưởng của nghiệp, sẽ sanh về các cõi Trời (Dục, Sắc hay Vô Sắc) hay cõi Người theo nguyên lực, để tiếp tục đời sống tu tập tiến hóa trên con đường tâm linh. Còn như lúc sinh thời hành giả sống theo lời Phật dạy chỉ làm những việc thiện lành tránh làm việc ác, thì Thường nghiệp lành xuất hiện thúc đẩy hành giả tái sanh đến cõi lành.

Hiện tại, chúng ta đang sống ở cõi đời tạm bợ này, tuy là người phàm phu, nhưng trộm nghĩ chúng ta cũng đã tạo nhiều phước lành ở đời trước nên đời này mới được làm người. Từ mấy ngàn năm qua, chư Tổ đã kết tập lại lời dạy của đức Phật, kinh điển ghi rõ lại những chân lý, phơi bày trọn vẹn con đường Giới-Định-Huệ đề hướng dẫn chúng sanh tu tập. Con đường Giới-Định-Huệ không từ chối bất cứ một ai. Muốn bước lên con đường này để đi đến giải thoát giác ngộ hay không, là do quyết định của mỗi người, không ai ép buộc.

Chúng tôi tạm ngưng bài chia sẻ “*Nghiệp Tác Động Vào Cái Chết Của Con Người Như Thế Nào?*” tại đây!

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(Bài giảng trong mùa An Cư tháng 04-2021 tại Thiền Viện Chân Như, Navasota, Texas, Hoa Kỳ)

Sau khi chết, chúng ta về đâu? Khoa học tìm ra điều bí mật!

Mai Nguyên

Ngay từ thuở xa xưa, con người đã đặt ra câu hỏi: “Điều gì xảy ra với chúng ta sau khi chết?”. Và sau nhiều năm tìm kiếm với muôn vàn các biện pháp thuần khoa học, các nhà nghiên cứu cho biết con người quả thật có một trạng thái vật chất tạm gọi tên là “linh hồn”. Sau khi trút hơi thở cuối cùng, ‘linh hồn’ không bị mất đi, mà tự động “quay lại vũ trụ”.

Những người theo tôn giáo hoặc tâm linh thường có niềm tin vào thiên đường hoặc thế giới bên kia. Còn những người theo chủ nghĩa duy vật thì tin rằng không có gì xảy ra với chúng ta: đơn giản là cái chết thôi. Tuy nhiên, với số đông công chúng tin rằng linh hồn của con người vẫn tiếp tục tồn tại sau khi chết, đã kích thích sự tìm hiểu của các nhà khoa học trong nhiều thập niên. Gần đây, một số nhà nghiên cứu nói rằng họ tìm thấy bằng chứng khoa học cho thấy điều này có thể xảy ra: quả thật là có linh hồn!

Linh hồn không chết khi cơ thể chúng ta chết. Đó là kết luận mang tính khoa học chứng minh. Sau khi nghiên cứu sâu rộng, hai chuyên gia cho biết dù cơ thể chúng ta chết đi nhưng ý thức – hay còn gọi là linh hồn của chúng ta – vẫn tồn tại mãi mãi. Họ nói rằng cơ học lượng tử có thể giải nghĩa hiện thực tình trạng này.

Từ năm 2018, trong khi các nhà khoa học vẫn chưa chắc chắn về ý thức chính xác là

gì, thì Giáo sư Stuart Hameroff của Đại học Arizona và nhà vật lý người Anh Sir Roger Penrose tin rằng đó chỉ là thông tin được lưu trữ ở cấp độ lượng tử. Bộ đôi nhà khoa học này cho biết quá trình này được gọi là “Giảm thiểu mục tiêu được phối hợp” (Orch-OR / Orchestrated Objective Reduction) và cho biết đó là bằng chứng cho thấy các vi ống dựa trên protein – một thành phần cấu trúc của tế bào người – mang thông tin lượng tử – thông tin được lưu trữ ở cấp độ hạ nguyên tử.

Cơ học lượng tử là môn khoa học nghiên cứu hành vi của vật chất ở cấp độ nguyên tử và hạ nguyên tử. Nó giải thích các đặc tính của phân tử và nguyên tử cũng như những thứ tạo nên chúng. Điều này bao gồm các yếu tố như neurons, electrons, protons, quarks, gluons... Hai nhà khoa học Stuart Hameroff và Sir Roger Penrose cho biết ý thức còn giữ lại, chỉ đơn giản là thông tin được lưu trữ ở cấp độ lượng tử này.

“Giả sử tim ngừng đập, máu ngừng chảy”, Tiến sĩ Hameroff giải thích, “các vi ống mất trạng thái lượng tử. Thông tin lượng tử bên trong các vi ống không bị phá hủy, không thể bị phá hủy mà nó chỉ phân phối và tiêu tán ra vũ trụ nói chung”.

Ông nói rằng nếu người cận tử đó được hồi sức, thông tin sẽ quay trở lại các vi ống và người đó sẽ tỉnh lại. Đây là những gì chúng tôi gọi là “trải nghiệm cận kề cái chết”. Ngược lại, nếu bệnh nhân chết thì ý thức của họ có thể tồn tại bên ngoài cơ thể – được gọi như một linh hồn.

Ý thức – linh hồn được giữ lại sau khi chết, được chứng minh trong hàng ngàn hồ sơ cận tử khắp thế giới. Tiến sĩ Sam Parnia, giám đốc nghiên cứu hồi sức và chăm sóc

tích cực tại Trường Y khoa NYU Langone ở Thành phố New York, ghi nhận rằng những người quay lại từ cận tử: “Mọi người mô tả cảm giác về một ánh sáng tươi sáng, ấm áp, chào đón thu hút mọi người về phía nó. Sự nhẹ nhàng đến mức nhiều khi họ không muốn quay lại. Nó quá thoải mái và giống như một thói quen lâu năm hút họ đến mức muốn rời bỏ chỗ đang đứng. Và trong trạng thái ý thức, nhiều người mô tả cảm giác tách biệt khỏi chính mình, và nhìn thấy các bác sĩ và y tá đang cố gắng cứu mình”.

Đi đến tận cùng của khoa học, những nhà nghiên cứu cuối cùng cũng xác nhận rằng vũ trụ vật lý của chúng ta, chỉ là nhận thức đơn giản của chúng ta. Con người tưởng mình rất thông minh, nhưng chỉ đến chừng đó là bàng hoàng và lạc lối.

Báo cáo từ Viện Vật lý Max Planck ở Munich nói rằng có khoảng vô tận sau khi chết. Theo họ, thế giới chúng ta đang sống chỉ là nhận thức giới hạn của chúng ta, và linh hồn của chúng ta sau đó sẽ đi vào cõi vô tận này – vũ trụ – khi cơ thể chúng ta chết đi.

Tiến sĩ Hans-Peter Durr từ Max Planck cho biết: “Những gì chúng tôi biết ở đây và bây giờ, thế giới này, thực ra chỉ là mức độ vật chất, tạm gọi là có thể hiểu được. Vượt ra ngoài là một thực tế vô tận lớn hơn rất nhiều”.

Còn vũ trụ, nơi được gọi tên là vậy, ở chỗ những linh hồn đi đến sau cái chết là gì, nó ra sao, tại sao nó lại thu hút tập trung các linh hồn... mọi thứ vẫn còn sâu thẳm trong các bí ẩn chưa có lời giải. After life – chuyện sau khi chết, ngày càng dày hơn những hồ sơ ghi nhận lạ kỳ, chưa thể tìm được kết luận cuối cùng./-

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Mở Mắt Chiêm Bao

Thuở xưa, có một chú sa di tên là Tăng Hộ. Tăng Hộ xuất gia với vị thầy tế độ, một vị La Hán, nguyên là cậu ruột của chú.

Một hôm Tăng Hộ được thí chủ dâng cúng hai xấp vải thật đẹp, chú mừng lắm định về dâng lên thầy để tỏ lòng biết ơn và kính mộ của mình. Ngờ đâu khi mới mở lời, vị thầy tế độ của chú đã gạt đi:

- Thôi! Ta đã đủ ba y rồi, con hãy giữ lấy mà xài hoặc dâng cúng những vị nào còn thiếu. Chú Tăng Hộ năn nỉ đến ba lần nhưng thầy chú vẫn một mực từ chối. Tăng Hộ đâm ra buồn rầu, bức bối, vừa đứng quạt hầu cho thầy, chú vừa để dòng tư tưởng trôi lan man... mình tứ cố vô thân chẳng có ai để nương tựa... Chỉ có cậu mình là người thân nhất trên đời. Vậy mà cậu cũng không thương ta, vậy ta còn sống ở đây chi cho bận lòng ông. Ta đã năn nỉ ông ba lần mà ông cứ lạnh lùng từ chối... Thôi, ta đi khuất mắt cho rồi... nhưng ta đi đâu bây giờ? Lấy gì mà sinh sống... À! Phải rồi! Mình sẽ bán xấp vải lấy tiền mua một con bê để nuôi, hằng ngày mình dắt bê đi ăn cỏ bên vệ đường vừa thanh thản, vừa ít tốn kém. Loài thú này sanh sản rất mau nên chừng vài năm là mình đã có một bầy gia súc. Mình sẽ bán bớt đi để tậu nhà cửa, ruộng đất, giường chõng... đồ đạc trong nhà cho khang trang và đến lúc trưởng thành mình sẽ cưới một cô vợ. Khi đưa con đầu lòng chào đời, mình sẽ bế nó đến quy y với cậu mình... Ô! Thăng bé mới kháu khỉnh làm sao... Đường xa trời nắng ngó mẹ vợ đã mỏi tay, ta bảo:

- Đưa thăng cu anh bế cho, nhưng nó không nghe cứ dành ẵm trên tay... bắt chột... mẹ vợ

vấp một rễ cây, thăng bé rớt xuống đất... giận quá, ta với lấy một cành cây, gõ cho mẹ vợ một cái nên thân:

- Đã bảo đưa ta bế mà cứ không nghe... cái thứ đàn bà hư... chỉ biết có cãi lời.

Dòng tư tưởng của chú sa di còn đang tiếp tục trôi chảy như thế thì bỗng nhiên chú nghe tiếng nói điềm đạm của thầy chú, vị La Hán, cất lên:

- Này chú! Chú đánh không trúng cái mẹ vợ hư thân ấy đâu mà lại trúng ngay cái đầu trọc của ta kêu cái “tróc” đây này!

Tăng Hộ bừng tỉnh cơn mơ, chú hốt hoảng co giò chạy, vừa ngẫm nghĩ:

- Chết rồi... Ta nghĩ trong bụng ông cũng biết hết tội... phải chạy cho lẹ mới được.

Thấy chú khi không bỏ chạy như ma đuổi, các bạn chú vội vã chạy theo bắt lại.

Đương sự được dẫn đến gặp đức Phật. Sau khi nghe rõ đầu đuôi câu chuyện, Ngài an ủi chú tiêu:

- Này chú, cái tâm của phàm phu thường hay lén lút đi chơi như thế, nó thường đi rất xa, vô hình, vô dạng... Người thiện trí nên khéo léo như gã mục đồng dùng dây xỏ mũi con trâu hoang, dẫn nó về chuồng cũ, chấn dất cho đến lúc nào buông lời dây mà nó không lén đi rong nữa mới tạm yên.

Được lời dạy dỗ của đức Thế Tôn, chú Tăng Hộ bình tĩnh ở lại tu viện và tu cho đến ngày đắc quả A La Hán... tuy lâu lâu, chú vẫn bị lâm vào cảnh mở mắt chiêm bao, nhưng không khi nào chú trở cán quạt gỗ vào đầu sư phụ như lần trước vì chú đã biết cách chấn trâu và cột trâu rồi. /-

Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368